

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**

---

**Trần Thị Huyền**

**HÌNH THÀNH KỸ NĂNG ĐỌC VÀ VIẾT  
CHO HỌC SINH LỚP 1 DÂN TỘC KHMER  
CHẬM BIẾT ĐỌC, BIẾT VIẾT Ở HUYỆN  
TRI TÔN TỈNH AN GIANG**

**Chuyên ngành : Tâm lý học  
Mã số : 60 31 80**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC**

Thành phố Hồ Chí Minh - 2010

## LỜI CẢM ƠN

Trước tiên tôi xin gửi lời tri ân đến tiến sĩ Lê Thị Minh Hà đã tận tình hướng dẫn, góp ý, và động viên tôi trong suốt quá trình thực hiện luận văn.

Xin chân thành cảm ơn quý thầy cô khoa Tâm lý – Giáo dục và phòng Đào tạo Sau đại học Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh đã hết lòng giảng dạy, hướng dẫn chúng tôi trong suốt khóa học.

Xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu, đội ngũ giáo viên trường tiểu học C Châu Lãng; tiểu học B Cô Tô đã nhiệt tình giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tôi thực hiện luận văn.

Những lời cảm ơn sau cùng xin dành cho cha mẹ, chồng và con, các anh chị em trong gia đình đã hết lòng quan tâm và tạo điều kiện tốt nhất để tôi hoàn thành được luận văn này.

**Trần Thị Huyền**

## MỞ ĐẦU

### 1. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Hình thành kỹ năng đọc, viết cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết có ý nghĩa quan trọng. Khi kỹ năng đọc, viết đã được hình thành thì nó trở thành công cụ, phương tiện để các em có thể lĩnh hội nội dung các môn học khác. Vì vậy, nếu các em được chuẩn bị tốt kỹ năng đọc và viết tiếng Việt ở lớp 1 thì điều đó sẽ rất thuận lợi giúp các em trong việc học tập cũng như lĩnh hội kiến thức các môn học một cách tốt hơn.

Hiện nay, ở tỉnh An Giang có rất nhiều học sinh dân tộc Khmer đã học qua chương trình lớp 1( đang học lớp 2, 3, ..) nhưng chưa đạt mức chuẩn về kỹ năng đọc, viết môn tiếng Việt ở lớp 1, do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hiện hành [40, tr.15]. Điều đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giáo dục ở cấp Tiểu học - cấp học nền tảng trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Đối với học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết thì việc hình thành kỹ năng đọc và viết tiếng Việt cho các em càng khó khăn hơn. Thực tế, ở một số trường Tiểu học có đông con em dân tộc Khmer kỹ năng đọc và viết của các em rất yếu đặc biệt là học sinh lớp 1. Mặc dù trường có thực hiện chương trình song ngữ (vừa dạy tiếng Việt vừa dạy tiếng Khmer) nhưng sau khi hoàn thành xong chương trình lớp 1 các em vẫn chưa đọc, viết Tiếng Việt theo chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong khi đó môi trường trau dồi tiếng Việt của các em còn nhiều khó khăn, ở nhà cha mẹ các em vốn tiếng Việt hạn chế, trong cuộc sống hằng ngày ngôn ngữ giao tiếp chủ yếu của các em là tiếng Khmer, đối với các em tiếng Việt là một ngoại ngữ. Do vậy kỹ năng đọc, viết của các em còn nhiều hạn chế.

Vì vậy, vấn đề hình thành kỹ năng đọc và viết cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt là một việc làm rất cần thiết và cấp bách hiện nay. Cho nên, chúng tôi chọn đề tài **"Hình thành kỹ năng đọc và viết cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết ở huyện Tri Tôn tỉnh An Giang"** nghiên cứu.

### 2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Dạy học nhằm hình thành kỹ năng đọc và viết cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, chậm biết viết.

### 3. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

- Nghiên cứu và hệ thống hoá những vấn đề lý luận liên quan đến đề tài.

- Khảo sát thực trạng kỹ năng đọc và viết của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt ở huyện Tri Tôn tỉnh An Giang.

- Thử nghiệm một số biện pháp hình thành kỹ năng đọc và viết cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt ở huyện Tri Tôn - Tỉnh An Giang.

## **4. ĐỐI TƯỢNG VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Kỹ năng đọc và viết tiếng Việt của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt ở huyện Tri Tôn tỉnh An Giang.

### **4.2. Khách thể nghiên cứu**

52 học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt ở trường tiểu học B Cô Tô và tiểu học C Châu Lăng.

## **5. GIỚI HẠN NGHIÊN CỨU**

Trong đề tài này chúng tôi chỉ nghiên cứu việc hình thành kỹ năng đọc và viết tiếng Việt và một số biện pháp hình thành kỹ năng đọc và viết tiếng Việt cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt ở trường tiểu học C Châu Lăng và tiểu học B Cô Tô, huyện Tri Tôn tỉnh An Giang.

## **6. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC**

Có thể hình thành kỹ năng đọc và viết tiếng Việt cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết.

## **7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **7.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận**

Nghiên cứu những vấn đề lý luận liên quan đến đề tài: kỹ năng; kỹ năng đọc và viết; quá trình hình thành kỹ năng đọc và viết, ...

### **7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

#### **7.2.1. Phương pháp điều tra**

a. Mục đích: Tìm hiểu thực trạng và mức độ kỹ năng đọc và viết của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt ở huyện Tri Tôn tỉnh An Giang.

b. Nội dung: Khảo sát kỹ năng đọc và viết tiếng Việt thông qua các bài tập trong sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1 tập 1, 2 đang dùng trong trường tiểu học hiện nay và phát phiếu điều tra cho giáo viên hai trường nhằm thu thập thông tin về các vấn đề như: phương pháp dạy môn tiếng Việt và nguyên nhân học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt.

c. Đối tượng điều tra: 20 giáo viên (Ban giám hiệu: 4; giáo viên: 16) và 52 học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc biết viết tiếng Việt và 16 phụ huynh học sinh ở trường tiểu học C Châu Lăng và tiểu học B Cô Tô (xem phụ lục 1,2,3,4,5).

<b>Trường</b>	<b>Ban giám hiệu</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>Học sinh</b>	<b>Phụ huynh học sinh</b>
Tiểu học C Châu Lăng	2	8	31	8
Tiểu học B Cô Tô	2	8	21	8
Tổng	4	16	52	16

### **7.2.2. Phương pháp quan sát**

a. Mục đích: Nhằm thu thập thông tin về các vấn đề liên quan đến quá trình học tiếng Việt lớp 1 của học sinh, quá trình giảng dạy của giáo viên trên lớp để nắm được các thông tin ngược về những biểu hiện hứng thú của học sinh trong quá trình học tập, kịp thời điều chỉnh phương pháp cho phù hợp với đối tượng nghiên cứu.

b. Đối tượng dự giờ: Giáo viên giảng dạy các lớp thử nghiệm, giáo viên trực tiếp giảng dạy các lớp ngoài thử nghiệm ở trường tiểu học C Châu Lăng.

c. Số tiết dự giờ:

Nhóm đối chứng: 8 tiết

Nhóm thử nghiệm: 8 tiết

(Xem phụ lục 7,8,9)

### **7.2.3. Phương pháp thử nghiệm**

a. Nhóm thử nghiệm: 10 em học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt ở trường tiểu học C Châu Lãng huyện Tri Tôn tỉnh An Giang (10 em học sinh này được lựa chọn trên cơ sở những học sinh thuộc đối tượng chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt của khối 1 trường tiểu học C Châu Lãng).

b. Nhóm đối chứng: 10 em học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt ở trường tiểu học C Châu Lãng huyện Tri Tôn tỉnh An Giang (10 em học sinh này được lựa chọn trên cơ sở những học sinh thuộc đối tượng chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt của khối 1 trường tiểu học C Châu Lãng).

c. Quá trình thử nghiệm

- Thiết kế mô hình thử nghiệm
- Tập huấn mô hình thử nghiệm
- Triển khai mô hình thử nghiệm

d. Đánh giá kết quả thử nghiệm

Phương pháp đánh giá: cho học sinh làm bài kiểm tra và chấm điểm bài kiểm tra, dự giờ một số tiết dạy thử nghiệm, trò chuyện với giáo viên và học sinh lớp thử nghiệm.

Dựa vào thực trạng dạy và học tiếng Việt của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt ở trường tiểu học C Châu Lãng, chúng tôi chia các mức kỹ năng đọc, viết trong quá trình khảo sát và thử nghiệm thành các mức như sau:

Mức 1: Chưa nhận biết hết các chữ trong bảng chữ cái tổng hợp

Mức 2: Biết đọc và viết vài âm tiết đơn giản

Mức 3: Biết đọc, ghép và viết các âm tiết từ 2 âm trở lên

Mức 4: Đọc trơn từ liền hai tiếng có cấu tạo từ 2 âm trở lên

Ngoài ra để thiết kế mô hình thử nghiệm này chúng tôi vận dụng lý thuyết của P.Ia. Galpêrin vào quá trình thiết kế mô hình thử nghiệm.

### **7.2.4. Phương pháp thống kê toán học**

Sử dụng toán thống kê để xử lý các số liệu đã thu thập được, tất cả các số thống kê được xử lý với sự trợ giúp của phần mềm máy tính SPSS.

## 8. TIẾN TRÌNH NGHIÊN CỨU

### 8.1. Nghiên cứu lý luận

- Nghiên cứu các tài liệu trong và ngoài nước liên quan đến hình thành kỹ năng và kỹ năng đọc và viết, các lý thuyết về hình thành kỹ năng cho học sinh, nhằm làm cơ sở cho việc nghiên cứu thực trạng và đưa ra giải pháp thích hợp.
- Xây dựng các khái niệm công cụ và lựa chọn các phương pháp nghiên cứu thích hợp, xác định chính xác khách thể nghiên cứu.

### 8.2. Xây dựng phiếu khảo sát

Xây dựng phiếu khảo sát gồm những phần chính sau:

- Các thông tin về khách thể: giới tính, học lực, hoàn cảnh gia đình
- Đo kỹ năng đọc và viết tiếng Việt thông qua bài kiểm tra: Đọc; Nghe – viết; Nhìn – viết.
- Các nguyên nhân ảnh hưởng đến kỹ năng đọc, viết

### 8.3. Thiết kế mô hình thử nghiệm

- Xác định mục tiêu thử nghiệm:

Sau 6 tuần thử nghiệm sẽ đạt được mục tiêu như sau:

- + Mức 1: 0 % (Chưa nhận biết hết các chữ trong bảng chữ cái tổng hợp)
  - + Mức 2: 10% (Biết đọc và viết vài âm tiết đơn giản)
  - + Mức 3: 60% (Biết đọc, ghép và viết các âm tiết từ 2 âm trở lên)
  - + Mức 4: 30% (Đọc trơn từ liền hai tiếng có cấu tạo từ 2 âm trở lên)
- Thời gian thử nghiệm:

Đề tài được tiến hành thử nghiệm từ tháng 01/04/2010 đến tháng 15/05/ 2010.

- Nội dung thử nghiệm:

Tên bài	Thời gian		
	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Luyện đọc</i>	<i>Luyện viết</i>
<u>Bài 1</u> : g - h	2	1	1
<u>Bài 2</u> : k- kh	2	1	1

<u>Bài 3</u> : x - ch	2	1	1
<u>Bài 4</u> : i - a	2	1	1

- Tiến trình thử nghiệm:
  - + Xây dựng mô hình thử nghiệm
  - + Tập huấn mô hình thử nghiệm cho giáo viên
  - + Triển khai mô hình thử nghiệm

#### 8.4. Khảo sát thực trạng

Chọn mẫu: Chọn tất cả các học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt ở 2 trường tiểu học C Châu Lãng và tiểu học B Cô Tô huyện Tri Tôn tỉnh An Giang.

Cụ thể như sau:

<b>Tiểu học C Châu Lãng</b>			
1A	1B	1C	1D
7	8	9	7
Tổng: 31			
<b>Tiểu học B Cô Tô</b>			
1A	1B	1C	1D
5	6	4	5
Tổng 21			
<b>Tổng cả 2 trường: 52</b>			

### 9. ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN VĂN

#### 9.1. Về lý luận

Khái quát và hệ thống hóa cơ sở tâm lý học về kỹ năng và hình thành kỹ năng nói chung và hình thành kỹ năng đọc, viết cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer nói riêng.

#### 9.2. Về thực tiễn



- Luận văn chỉ ra thực trạng và nguyên nhân ảnh hưởng đến kỹ năng đọc và viết tiếng Việt của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết ở huyện Tri Tôn tỉnh An Giang.

- Đề xuất một số biện pháp nhằm hình thành kỹ năng đọc và viết của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết ở huyện Tri Tôn tỉnh An Giang.

- Kết quả nghiên cứu có thể ứng dụng trong học tập và giảng dạy ở các trường tiểu học có nhiều học sinh dân tộc Khmer ở huyện Tri Tôn tỉnh An Giang.

# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

### 1.1. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

#### 1.1.1. Nghiên cứu kỹ năng đọc và viết trên thế giới

Kỹ năng đọc, viết được nhiều nhà giáo dục học trong và ngoài nước nghiên cứu.

Kỹ năng đọc và viết là vấn đề không mới mẻ trong các công trình nghiên cứu ở các lĩnh vực khác nhau trong và ngoài nước. Từ lâu, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về kỹ năng đọc và viết tiếng Việt cho học sinh ở cấp Tiểu học. Đại diện tiêu biểu cho các công trình nghiên cứu về kỹ năng đọc và viết là: Cattell (1960) và các cộng sự của ông, Dykstra (1968;1974), Baron và Thurston (1973), Hodgen (1978), T.G Ramzaeva và M.R.Lvov (1979), ... Dibenedetto (1977), Muller, Haddock, Bausell và Jenkin (1973), Kean, Summers, Raivetz và Farber... tất cả các tác giả trên đều nghiên cứu về các phương pháp dạy học tập đọc, tập viết cho học sinh nhỏ.

#### 1.1.2. Nghiên cứu kỹ năng đọc và viết ở Việt Nam

Một số công trình nghiên cứu về kỹ năng đọc và kỹ năng viết:

+ Phạm Toàn - Nguyễn Trường (1978) có công trình "Phương pháp dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc" công trình nghiên cứu đã đề cập đến các vấn đề:

- Phương pháp dạy học văn
- Phương pháp tập viết
- Phương pháp chính tả
- Phương pháp tập đọc
- Phương pháp luyện từ và câu
- Phương pháp tập làm văn
- Phương pháp dạy kể chuyện

Trong đề tài này chúng tôi có ứng dụng một số phương pháp vào trong việc hình thành kỹ năng đọc và viết cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer, như: phương pháp tập viết; phương pháp tập đọc.

+ Hoàng Thị Tuyết với công trình “Dạy đọc, viết trong học vần thế nào cho hiệu quả và vui tươi”. Tác giả nhấn mạnh vai trò của học vần đối với học sinh lớp 1, theo tác giả giai đoạn học vần là tiền kỹ năng đọc, giai đoạn này rèn cho học sinh kỹ năng giải mã ký tự và khả năng nhận diện từ tạo nền móng cho việc hình thành kỹ năng đọc và viết cho học sinh tiểu học.

Bên cạnh đó tác giả cũng đã đưa ra một số biện pháp dạy học giúp hình thành và khả năng nhận diện từ cho học sinh, góp phần gia tăng hiệu quả việc dạy học vần:

- Giảm thời gian luyện viết chữ trong phần dạy viết trong tiết học vần.
- Giảm phần luyện đọc phát âm nếu như vần âm đó hầu hết học sinh không gặp khó khăn.
- Dành nhiều thời gian cho học sinh đánh vần hoặc đọc nhẩm kết hợp viết trên không các vần, tiếng đã đọc, đặc biệt đối với lớp có nhiều học sinh yếu để giúp các em hình dung ra cấu tạo chữ viết trong trí mình một cách rõ ràng.
- Tăng cường nhận diện âm và vần đã học trong phần kiểm tra bài cũ và củng cố bài mới.
- Tăng cường hoạt động nghe viết hay tự viết những từ, cụm từ có chứa âm vần đã học.

Đối với công trình nghiên cứu này, chúng tôi có ứng dụng biện pháp “Dành nhiều thời gian cho học sinh đánh vần hoặc đọc nhẩm kết hợp viết trên không các vần, tiếng đã đọc, đặc biệt đối với lớp có nhiều học sinh yếu để giúp các em hình dung ra cấu tạo chữ viết trong trí mình một cách rõ ràng.

Trương Thị Thu Minh, 2008, luận văn thạc sỹ Tâm lý học, với công trình nghiên cứu “Hình thành năng khiếu đọc và viết tiếng Việt cho học sinh tiểu học người Khmer ở Kiên Giang chậm biết đọc, biết viết”. Tác giả đã nghiên cứu cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng về việc hình thành kỹ năng đọc và viết tiếng Việt cho học sinh tiểu học của người Khmer ở Kiên Giang chậm biết đọc, biết viết. Đồng thời vận dụng lý thuyết của P.Ia.Galpêrin để thử

nghiệm phương pháp hình thành kỹ năng đọc và viết tiếng Việt cho học sinh tiểu học Khmer ở Kiên Giang.

+ Nguyễn Quốc Thái (2006), luận văn thạc sĩ Tâm lý học “ Kỹ năng đọc và viết Tiếng Việt của học sinh dân tộc lớp 2 huyện Thuận Châu – Sơn La. Tác giả định nghĩa một số khái niệm công cụ của đề tài như: kỹ năng, kỹ năng đọc tiếng Việt. Ngoài ra tác giả tìm hiểu thực trạng kinh nghiệm đọc tiếng Việt của học sinh dân tộc lớp 2 huyện Châu Thành – Sơn La.

+ Lê Quang Toán (1999), luận văn thạc sĩ Tâm lý học “ Vận dụng lý thuyết của P.Ia. Galpêrin về các bước hình thành hành động trí tuệ vào việc hình thành khái niệm phép nhân tạo cho học sinh đầu lớp 3”. Luận văn tìm hiểu phân tích lý thuyết "các giai đoạn hình thành hành động trí tuệ" của P.Ia. Galpêrin và khả năng ứng dụng của nó trong dạy học và hình thành khái niệm phép nhân tạo cho học sinh đầu lớp 3 - từ đó thiết kế quy trình hướng dẫn các bước để hình thành thao tác nhóm gộp cho học sinh và vận dụng vào dạy học để đánh giá hiệu quả.

+ Dương Thị Diệu Hoa (1995), luận án Phó Tiến sĩ khoa học tâm lý " Hình thành kỹ năng đọc và viết tiếng Việt cho học sinh đầu lớp 1".

+ Hình thành kỹ năng đọc và viết tiếng Việt cho học sinh đầu lớp 1. Luận án PTS Khoa học Sư phạm – Tâm lý. Tác giả : Đỗ Ngọc Đạt, 1995.

+ Nghiên cứu việc rèn luyện kỹ năng viết chữ cho học sinh lớp 1. Luận án PTS Khoa học sư phạm – Tâm lý. Tác giả : Đỗ Xuân Thảo, 1996.

**Tóm lại:** Các công trình nghiên cứu về kỹ năng đọc và viết ở một số nước giúp chúng tôi hiểu rõ hơn một số thuật ngữ, các khái niệm kỹ năng, kỹ năng đọc và viết. Các tác giả đã đi sâu nghiên cứu về vấn đề hình thành thành kỹ năng đọc và viết và phương pháp dạy đọc, dạy viết cho học sinh tiểu học.

Các công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước phần lớn đã vận dụng các lý thuyết hình thành kỹ năng đọc và viết vào việc hình thành kỹ năng đọc và viết cho trẻ. Một số công trình chỉ dừng lại nghiên cứu về việc thực trạng, nhưng hầu hết các công trình đều có tiến hành thử nghiệm và đưa ra một số giải pháp nhằm giúp học sinh có kỹ năng đọc và viết tiếng Việt tốt hơn.

## 1.2. CÁC KHÁI NIỆM LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

### 1.2.1. Khái niệm kỹ năng

Có nhiều quan điểm khác nhau về kỹ năng được nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, trong lĩnh vực tâm lý học đang tồn tại hai quan điểm về vấn đề kỹ năng.

Quan điểm 1: Coi kỹ năng là một kỹ thuật của một thao tác, hành động hay hoạt động nào đó.

Đại diện quan niệm này là: V.A.Cruchetxki, A.G.Côvaliov, V.S.Kudin...

- V.S.Kudin cho rằng, kỹ năng là phương thức hoạt động không cần củng cố bắt buộc luyện tập từ trước.

- V.A.Cruchetxki cho rằng, kỹ năng là các phương thức thực hiện một hành động - những cái mà con người đã lĩnh hội từ trước.

Như vậy theo hai tác giả, chỉ cần nắm vững phương thức hành động là con người đã có kỹ năng không cần đến kết quả [5].

- A.G.Covaliov: Kỹ năng là phương thức thực hiện hành động thích hợp với mục đích những điều kiện hành động. Do đó người có kỹ năng là người thực hiện các hành động phù hợp với mục đích và điều kiện hành động, không đề cập đến kết quả hành động, mà chỉ coi kết quả hành động phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Trong đó, quan trọng hơn cả là năng lực con người chứ không đơn giản là nắm vững cách thức hoạt động đem lại kết quả tương ứng.

Quan điểm 2: Coi kỹ năng không đơn thuần là kỹ thuật hành động mà còn là một biểu hiện năng lực của con người. Kỹ năng theo quan niệm này - vừa có tính ổn định, vừa có tính mềm dẻo, linh hoạt.

Đại diện quan điểm này là: N. Đ.Lêvitốp, A.V.Pêtrovki và M.G.Jarosevski, Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Ánh Tuyết, Ngô Công Hoàn, Trần Quốc Thành,...

- Theo các tác giả Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Ánh Tuyết, Ngô Công Hoàn, Trần Quốc Thành kỹ năng là năng lực của con người thực hiện một công việc nào đó có kết quả [27].

- N. Đ.Lêvitốp cho rằng, kỹ năng là sự thực hiện có kết quả một động tác nào đó hay một hoạt động phức tạp hơn bằng cách áp dụng hay lựa chọn những cách thức đúng đắn, có tính đến những điều kiện nhất định. Ở đây ông đặc biệt chú ý đến kết quả của hoạt động.

Việc vận dụng lý thuyết vào thực tiễn được chia thành hai mức tương ứng với hai bước khác: kỹ năng sơ đẳng và kỹ năng phát triển.

+ Kỹ năng sơ đẳng: được biểu hiện ở những thể nghiệm đầu tiên trong việc thực hiện có kết quả các tác động cần thiết, kỹ năng sơ đẳng được xuất hiện do sự bất chước.

+ Kỹ năng phát triển: Xuất hiện ở giai đoạn cao hơn, được hình thành trong quá trình vận dụng những tri thức, hiểu biết vào thực tiễn, do tập luyện mà dần trở thành kỹ xảo ngày càng hoàn thiện.

Một người có kỹ năng hoạt động là phải nắm được và vận dụng đúng đắn các cách thức của hành động, nhằm thực hiện hành động có kết quả.

Qua đó ta thấy, hai quan niệm kỹ năng được trình bày trên đều có điểm nhấn chung là muốn nói tới mặt kỹ thuật của một hành động được luyện tập một cách thuần thực theo đúng quy trình lôgic là biểu hiện của mặt kỹ năng.

Trong quá trình nghiên cứu về kỹ năng để triển khai bất kỳ một hành động nào thì chúng ta cần xem xét những khía cạnh chủ yếu sau đây:

Thứ nhất: Kỹ năng trước hết phải được hiểu là mặt kỹ thuật của thao tác hay hành động nhất định. Kỹ năng không có mục đích riêng. Mục đích của nó là mục đích của hành động, không có kỹ năng chung, trừu tượng tách rời hành động. Khi nói tới kỹ năng là nói tới một hành động cụ thể đạt tới mức đúng đắn và thuần thực nhất định. Kỹ năng hành động đồng nghĩa với hành động có kỹ năng.

Thứ hai: Cơ chế hình thành kỹ năng thực chất là cơ chế hình thành hành động. Mỗi hành động bao giờ cũng có mục đích khách quan và lôgic thao tác dẫn đến mục đích đó. Lôgic thao tác làm nên mặt kỹ thuật của hành động. việc hình thành kỹ năng hành động là cá nhân phải biết triển khai thao tác theo đúng lôgic phù hợp với mục đích khách quan. Việc định hướng, điều khiển và điều chỉnh quá trình hình thành và củng cố hành động.

Thứ ba: Kỹ năng là mức độ đúng đắn của việc triển khai hành động trong thực tiễn. Hành động chưa thể có kỹ năng nếu còn mắc nhiều lỗi lầm và vụng về, còn tiêu tốn nhiều công sức và thời gian triển khai nó. Vì vậy, để có kỹ năng hành động, cá nhân không chỉ hiểu sâu sắc về hành động mà phải triển khai trong thực tiễn theo đúng lôgic của nó với một vật liệu có thể có. Ta có thể đánh giá học sinh biết đọc, biết viết tiếng Việt khi các em triển khai

đúng dẫn thao tác đọc và viết trên tất cả các âm tiết tiếng Việt chứ không thể chỉ dừng lại ở một vài âm hoặc vần nào đó.

Từ các quan điểm về kỹ năng chúng tôi xin đưa ra khái niệm kỹ năng như sau:

*Kỹ năng là khả năng triển khai đúng dẫn hành động nào đó trên cơ sở hiểu sâu sắc và đầy đủ hành động đó.*

### **1.2.2. Khái niệm hình thành kỹ năng**

Chúng tôi xin đưa ra khái niệm *hình thành kỹ năng* như sau (khái niệm này chỉ mang tính chất phục vụ cho đề tài):

*Quá trình hình thành kỹ năng là làm cho khả năng triển khai hành động nào đó tốt hơn, đúng dẫn hơn trên cơ sở hiểu sâu sắc và đầy đủ hành động đó.*

### **1.2.3. Kỹ năng đọc**

Là tách âm thanh ra khỏi ký hiệu ghi âm và chuyển chúng thành cơ chế lời nói. Đối tượng của hành động đọc là các ký hiệu ghi âm, còn bản thân hành động này bao gồm hai quá trình có lôgic tuyến tính: tách âm thanh ra khỏi các ký hiệu ghi âm và quá trình phát ngôn (nói to hoặc nói thầm).

Để có kỹ năng này trước hết trẻ phải hình thành được kỹ xảo phát ngôn và khả năng phân tích âm thanh, chữ viết.

Các yêu cầu về kỹ năng đọc:

Kỹ năng đọc được hình thành trên kỹ xảo nói và khả năng phân tích âm thanh, chữ viết.

Trẻ có kỹ năng đọc tức là đọc được dấu hiệu của một âm, một vần liên quan đến cơ chế lời nói. Đọc được nhóm vần ghép thành từ hay những nhóm từ ý nghĩa thành câu. Ở đây liên quan đến ngôn ngữ tức là từ vựng và cơ cấu tư duy.

Những thao tác cần thiết để hình thành kỹ năng đọc bao gồm:

- Nhận ra một dấu hiệu và nói lên được âm tương đương. Điều này liên quan đến những thao tác như sau:

+ Tri giác hình thái toàn bộ

+ Tri giác đúng hướng, kích thước và số lượng của nét chữ

+ Nhận ra và nhớ được thứ tự sắp xếp các yếu tố

+ Nói lên được các âm tương đương

Muốn làm được như vậy, phải có một biểu tượng thính giác đúng và các cơ phát âm hoạt động theo biểu tượng ấy.

- Nhìn nhận ra một loại ký hiệu kết thành vần

+ Muốn vậy phải tri giác đúng những hình thái liên tiếp theo thứ tự bố cục, không lẫn lộn thêm bớt theo chiều từ trái sang phải, biết cách kết hợp đúng nguyên âm và phụ âm.

- Nhìn ra một loại vần kết nhau thành từ

Ngoài những yêu cầu như trên, còn phải yêu cầu đọc có giọng điệu. Về từ ngữ phải hiểu theo nghĩa, có ý niệm về hình loại và số lượng, phát âm đúng theo trình tự, đúng giọng và điệu.

- Nhận ra hàng loạt từ kết hợp với nhau thành một bài có ý nghĩa

Phải biết đọc từ trái sang phải, hết một hàng lại xuống hàng dưới. Ít nhiều hiểu biết phỏng đoán có những từ chỉ về sự vật, hiện tượng; những từ chỉ tính chất, sự khác nhau, giống nhau và những loại từ kết nối.

- Nhận ra các mệnh đề, câu cú:

Nhận ra ký hiệu chấm câu và giọng điệu. Hiểu nhanh nghĩa của từng từ. Hiểu được cấu trúc của câu, trình tự thời gian của sự việc và trình tự thao tác trong suy luận.

Chỉ khi nào đọc mà không cần phát âm, tức là chỉ cần mắt nhìn mà hiểu được ý nghĩa thì mới thật là biết đọc. Bài học thật ra là vật chất hoá của ngôn ngữ bên trong; đây là hoà nhập của thao tác tư duy với việc đọc thông qua hệ thống cơ phát âm.

- Phải có năng lực và thái độ cần thiết

Định hướng được trong không gian và thời gian.

Biết phân tích và nhận xét: Có khả năng tượng trưng tức là biết thay thế một sự vật cụ thể bằng một ký hiệu. Nhớ được và gọi ngay lên được như vậy mới tự động đọc lên được.

Phát âm không bị rối. Không chậm phát triển về ngôn ngữ. Những cụm âm thanh và những câu cú đều được nhận ra, cảm nhận được nhịp điệu, cường độ đọc diễn cảm, sinh động.

Thái độ thoải mái, biết thở đều để phát âm. Có những hứng thú để học tập.



#### 1.2.4. Kỹ năng viết

Viết chữ về bản chất là quá trình mã hoá các âm vào hệ thống ký hiệu thị giác. Vì vậy, để có được kỹ năng viết một mặt cá nhân phải có kỹ năng đọc, đồng thời có các thao tác và khả năng phân tích hệ thống ký hiệu ghi âm đã được cộng đồng thừa nhận.

Trong quá trình hình thành hành động nói trẻ em có thể tiến hành theo cơ chế bắt chước và ướm thử các khối âm thanh. Ngược lại, khi học viết chữ trẻ phải bắt đầu từ sự phân tích và tổng hợp các âm theo những quy tắc được mã hoá vào các ký hiệu thị giác.

Các từ được hình thành không phải là một phát âm liền khối mà là sự kết hợp các âm khác nhau. Muốn vậy, việc học viết chữ đòi hỏi trẻ phải có khả năng phát ngôn các âm thanh theo ký hiệu thính giác mà còn phải biết phân tích các âm đó theo quy tắc ký hiệu thị giác. Nó là hành động có ý thức, chứ không chỉ là sự bắt chước máy móc hay ướm thử đơn thuần trong thực tiễn.

Như vậy, cơ chế học nói khác với cơ chế học viết: học nói mang tính “tự nhiên”, giống như các thành tựu khác của trẻ như học vận động, học đi... điều này giải thích vì sao mọi người bình thường đều có thể học và nói được theo đúng quy tắc ngữ pháp. Ngược lại sẽ không biết đọc, biết viết nếu không đi học một cách có ý thức. Để có được kỹ năng viết thì trước hết trẻ em phải có kỹ năng nói, đọc và phải có các thao tác, cử động cần thiết.

- Yêu cầu về kỹ năng viết:

Viết được các chữ cái không cần nhìn mẫu, cần phải: Nhớ được những hướng chung về hình thái, kích thước, nhớ chữ bao nhiêu nét; nhìn nhận toàn bộ chữ cái và đọc nhằm không phát âm: cầm bút không co cứng cơ bắp, thực hiện đúng ý đồ, khởi động và ngừng đúng lúc, đúng kích thước, nhớ lại những hình thái và những chữ khác nhau.

Viết được một vần một vài từ cần: Tri giác toàn bộ, bố cục từ trái sang phải các chữ theo đúng trình tự, hình dung được dòng kẻ, bố cục các nét; phân biệt các loại chữ cái, những nét cao lên hay kéo xuống các đường gạch.

Viết chính tả (nghe đọc - viết): Dựa vào trí nhớ nhớ lại cấu trúc của từ và tương ứng những biểu tượng không gian và thời gian; nhận biết ra trình tự phát âm của âm tiết và chuyển thành những ký hiệu được bố cục đúng trình tự.

- Những năng lực và thái độ cần thiết để viết

Trẻ cần hiểu được những ký hiệu để ghi lên giấy tương ứng với những âm tiết của lời nói, mặt khác nhớ được, gọi lại được và ghi lại những định hướng, hình thái và ký hiệu cho trước những ký hiệu ấy. Muốn vậy cần phải có:

- + Trí năng phải thuần thục đến mức độ nhất định
- + Có khả năng nhớ lại tức thì
- + Có khả năng phân tích và suy luận
- + Có hứng thú không lo sợ
- + Thuần thục về vận động để làm chủ mọi cử động
- + Định hướng không gian và thời gian tốt
- + Phân rõ thuận tay trái hay tay phải

Tóm lại, muốn một học sinh chưa biết đọc và chưa biết viết đạt được biết đọc, biết viết thuần thục về mặt tình cảm cũng như tâm vận động cần có các điều kiện sau:

- + Thái độ thoải mái giúp trẻ có khả năng chú ý đến một điểm trong một thời gian nhất định.
- + Định hướng được không gian, thời gian và thuận tay phải hay tay trái.
- + Tri giác tai mắt chính xác.
- + Biết phân tích và nhớ lại được những tri giác ấy.

Qua đó ta thấy kỹ năng nói, viết có quan hệ mật thiết với nhau, thành tựu về kỹ năng viết dựa trên kỹ năng nói của đứa trẻ. Nhưng nếu đứa trẻ chỉ dừng lại ở kỹ năng nói thì đứa trẻ chưa thể lĩnh hội được ngữ âm và sẽ không có công cụ để lĩnh hội các môn học khác. Vì vậy, ở cấp tiểu học kỹ năng đọc và kỹ năng viết là hai kỹ năng cần thiết và quan trọng bậc nhất giúp cho đứa trẻ học tập tất cả các môn học ở nhà trường.

### **1.2.5. Kỹ năng đọc và kỹ năng viết**

Là khả năng triển khai đúng đắn hành động trí tuệ, hành động đọc và hành động viết.

### **1.2.6. Hình thành kỹ năng đọc**

Là làm cho khả năng đọc thành lời theo bản viết có sẵn tốt hơn, đúng đắn hơn trên cơ sở hiểu sâu sắc và đầy đủ hành động đó.

### **1.2.7. Hình thành kỹ năng viết**

Là làm cho khả năng viết chữ, kí hiệu, số tốt hơn, đúng đắn hơn trên cơ sở hiểu sâu sắc và đầy đủ hành động đó.

### **1.2.8. Học sinh chậm biết đọc, biết viết**

Theo chương trình giáo dục phổ thông bậc Tiểu học ban hành theo quyết định số 16/2006 ngày 05/05/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục – Đào tạo. Chương trình ban hành lần này là kết quả của sự điều chỉnh, hoàn thiện, tổ chức các chương trình đã ban hành trước đây, làm căn cứ cho quản lý, chỉ đạo và tổ chức dạy học ở tất cả các cấp học, trường học trên phạm vi cả nước.

Theo quy định mức độ cần đạt của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở cấp tiểu học về chuẩn kiến thức, kỹ năng (đọc và viết tiếng Việt) và yêu cầu về thái độ học sinh cần đạt sau khi học hết lớp 1 như sau: “Đọc đúng và rõ bài văn đơn giản, hiểu nghĩa các từ thông thường và nội dung thông báo của câu văn, đoạn văn, viết đúng chữ thường, chép đúng chính tả đoạn văn. Nghe hiểu lời giảng và lời trả lời hướng dẫn của giáo viên. Nói rõ ràng, trả lời được câu văn đơn giản” Căn cứ vào tiêu chuẩn cần đạt ở kỹ năng đọc, viết Tiếng Việt ở từng lớp học trên những học sinh chậm biết đọc, biết viết Tiếng Việt là những em đã qua chương trình lớp 1 không đạt được mức cần đạt về kỹ năng đọc và viết Tiếng Việt của Bộ Giáo dục - Đào tạo quy định [11].

Như vậy theo quy định cần đạt của Bộ Giáo dục – Đào tạo ở cấp tiểu học về chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ học sinh cần đạt sau khi học hết lớp 1. Các em phải đọc được đúng và rõ ràng bài văn trong sách lớp 1, hiểu được nghĩa các từ thông thường và hiểu được nội dung đoạn văn mình vừa đọc, đồng thời các em cũng viết đúng chữ thường và chép đúng chính tả đoạn văn. Các em nghe giáo viên giảng và hiểu được các lời giảng của giáo viên và biết cách trả lời các câu hỏi giáo viên đưa ra, câu hỏi đó liên quan đến bài học.

Trong nhà trường tiểu học hiện nay, thực trạng chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt như mô tả ở trên người ta gọi là học sinh yếu – kém.

### **1.2.9. Học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt có những đặc điểm**

- Trước khi vào lớp 1 chưa qua học lớp mẫu giáo
- Phần lớn các em có độ tuổi từ 6- 8 tuổi
- Sử dụng hai loại ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ).
- Ngôn ngữ giao tiếp chính ở gia đình là tiếng mẹ đẻ (tiếng Khmer).
- Trước khi vào lớp 1 các em hầu hết không nói được tiếng Việt.
- Các em chủ yếu sống ở các Phum nên ít có cơ hội tiếp xúc với người Việt.
- Cha mẹ các em không nói được tiếng Việt

### **1.3. ỨNG DỤNG LÝ THUYẾT CỦA P. IA GALPÊRIN VÀO VIỆC HÌNH THÀNH KỸ NĂNG ĐỌC, VIẾT**

#### **1.3.1. Lý thuyết P.Ia Galpêrin**

P.Ia Galpêrin là nhà tâm lý học thuộc trường phái tâm lý học hoạt động P.Ia.Galpêrin đã đưa ra lý thuyết hình thành hành động trí tuệ, theo ông “Luận điểm chủ yếu của lý thuyết này là coi hoạt động tâm lý là kết quả của việc chuyển các hành động vật chất bên ngoài vào lĩnh vực phản ánh – vào lĩnh vực tri giác, biểu tượng và khái niệm. Quá trình di chuyển ấy tiến hành theo một số bước; ở mỗi bước có sự phản ánh mới, một lần tái hiện hành động và sự cải tổ một cách có hệ thống hành động đó”.

P.Ia.Galpêrin đã phân tích cấu trúc của hành động để nghiên cứu, xác lập và mô tả các bước hình thành hành động trí tuệ; nghiên cứu các phương pháp định hướng việc hình thành hành động trí tuệ cho trẻ em trong hoạt động dạy học.

- Cấu trúc hành động

P.Ia.Galpêrin cho rằng, trước hết phải hiểu được cấu trúc của hành động và các đặc điểm của nó. Sau đó mới có thể phân tích lôgic của các bước hình thành nó trong đời sống cá nhân.

Có thể phân tích hành động theo hai phương diện như sau:

Về cấu trúc:

P.Ia.Galpêrin chia hành động thành hai phần không ngang nhau: phần định hướng và phần thực hiện. Phần định hướng quyết định phần thực hiện.

- Về đặc điểm

P.Ia.Galpêrin cho rằng, trong quá trình triển khai có vô vàn sự biến đổi, đan xen, chồng chéo nhau. Vì vậy, cần phải dựa vào một số dấu hiệu đặc trưng để xác định mức độ hình thành và chất lượng của một hành động - gọi là các thông số.

Một hành động được xác định bởi 4 thông số:

- Hình thức hay mức độ thực hiện
- Độ khái quát của hành động
- Độ triển khai hành động
- Độ thành thạo của hành động.

Thông số thứ nhất xác định mức độ thực hiện một hành động và được thể hiện bởi ba chỉ số: hành động với vật thật; với lời nói to và hành động trong đầu.

- Cơ chế hình thành kỹ năng trong hành động

Trong hệ thống lý thuyết hoạt động tâm lý, lý thuyết của P.Ia.Galpêrin mang đậm chất kỹ thuật tâm lý. Vì vậy, nó giải quyết khá triệt để cơ chế hình thành hành động trí tuệ và khái niệm từ bên ngoài chuyển vào bên trong – thành thạo tác. Trong phạm vi dạy trẻ em đọc và viết tiếng Việt, chúng tôi khai thác các luận điểm như sau:

Thứ nhất: Để hình thành một hành động phải có 3 pha: pha định hướng, pha thực hiện và pha kiểm tra.

Thứ hai: Về đại thể quá trình hình thành hành động tâm lý, ở dạng đầy đủ nhất, gồm 5 bước:

Bước 1: Lập cơ sở định hướng hành động

Bước 2: Hành động với đồ vật hay vật chất hoá

Bước 3: Hành động với lời nói to

Bước 4: Hành động với lời nói thầm

Bước 5: Hành động trí óc (bước rút gọn)

- Vấn đề ý và nghĩa trong quá trình hình thành hành động trí tuệ

P.Ia.Galpêrin cho rằng, sau khi chuyển thành ngôn ngữ bên trong, quá trình thuần tuý ngôn ngữ đã vượt ra khỏi ý thức, chỉ để lại trong đó kết quả cuối cùng là nội dung vật chất

của hành động. Hành động trí tuệ diễn ra “không có hình ảnh”, vì tài liệu cảm tính đã được khái quát, trừu tượng từ trước đó. Hành động đã được chuyển vào hệ thống tín hiệu thứ hai và ở đây phần lớn hành động cũng đã được rút gọn. Nhưng hành động với ngôn ngữ ẩn này có kèm theo ý thức về ý nghĩa khách quan của nó.

P.Ia.Galpêrin cho rằng trong tất cả các bước của hành động trí tuệ thường xuyên diễn ra hành động kiểm tra, đối chiếu các thao tác được luyện tập với thao tác mẫu. Nói cách khác một hành động nhất thiết phải bao gồm cả quá trình thực hiện và quá trình kiểm tra.

Hành động kiểm tra giống như bất kỳ hành động nào khác, có đối tượng và lịch sử phát triển riêng. Đối tượng của nó là hành động thực hiện. Vì vậy, việc kiểm tra được hình thành theo cùng cơ chế với hành động thực hiện, tức là cũng phải trải qua các giai đoạn chuyển từ bên ngoài vào bên trong.

### **- Cấu trúc của hành động đọc và hành động viết**

+ Hành động đọc gồm các thao tác:

- Tri giác hình thái toàn bộ
- Tri giác đúng hướng, kích thước và số lượng của nét chữ
- Nhận ra và nhớ được thứ tự sắp xếp các yếu tố
- Nói lên được các âm tương đương
- Tách âm thanh ra khỏi ký hiệu ghi âm
- Phát âm

+ Hành động viết gồm các thao tác:

• Nhớ được những hướng chung về hình thái, kích thước, nhớ chữ có bao nhiêu nét.

- Nhìn nhận toàn bộ chữ cái và đọc nhẩm không phát âm.

- Cầm bút không co cứng cơ bắp, thực hiện đúng ý đồ, khởi động và ngừng đúng lúc, đúng kích thước, nhớ lại những hình thái và những chữ khác nhau.

- Tri giác toàn bộ, bố cục từ trái sang phải các chữ theo đúng trình tự, hình dung được dòng kẻ, bố cục các nét, phân biệt các loại chữ cái, những nét cao lên hay kéo xuống các đường gạch.

### **- Các phương pháp định hướng việc hình thành hành động trí tuệ cho trẻ**

Quá trình hình thành hành động trí tuệ mới bất kỳ nào cũng phải bắt đầu từ sự định hướng của chủ thể vào đối tượng và quá trình thực hiện hành động.

Để phân loại các cách định hướng khác nhau, người ta thường căn cứ vào các tiêu chuẩn sau:

- Độ khái quát của việc định hướng.
- Tính đầy đủ của việc định hướng.
- Chủ thể định hướng.

Trong chương trình hình thành kỹ năng đọc, viết tiếng Việt cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết, chúng tôi đã vận dụng các bước trên. Đặc biệt là đối với các em chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt.

Các bước nêu trên thực chất chỉ là khâu thực hiện, khâu triển khai. Trong khi đó, để hình thành hoặc triển khai một hành động, khâu có ý nghĩa quyết định là định hướng cho khâu thực hiện. Có 3 phương pháp định hướng:

- Phương pháp cụ thể, từng phần học sinh tự thực hiện.
- Phương pháp cụ thể, đầy đủ, giáo viên hướng dẫn.
- Phương pháp khái quát, đầy đủ, học sinh tự thực hiện.

Loại cơ sở định hướng thứ nhất chỉ là các mẫu không có sự chỉ dẫn của giáo viên để học sinh tự thực hiện hành động như thế nào cho đúng, các em tự mày mò, xác lập “sai” qua vô số lần. Rút cuộc hành động có thể thực hiện được, nhưng nó không ổn định và không triển khai được với vật liệu mới. Trong loại định hướng này, học sinh không biết trước những điều

kiện khách quan của việc thực hiện hành động, ngược lại, các em chỉ cần kiên trì làm thử và có trí nhớ tốt để củng cố các phép thử đúng, loại bỏ các sai lầm.

*Loại định hướng thứ hai:* vừa có cả mẫu hành động và sản phẩm của nó, lại vừa có các chỉ dẫn để làm đúng hành động đó với vật liệu mới. Trong quá trình học sinh thực hiện một hành động nhất định, giáo viên chỉ ra các điểm tựa, các điều kiện để làm đúng hành động đó, học sinh tự mình tái hiện lại chúng trên vật liệu đã có. Nhờ đó học sinh biết cách phân tích đến mức nhất định tài liệu theo góc độ hành động sắp thực hiện.

So với loại định hướng thứ nhất, loại thứ hai có ưu điểm hơn nhiều. Tuy nhiên, nó hạn chế là các điều kiện hành động do giáo viên đưa ra, nó có sẵn đối với học sinh, các em chỉ cần học thuộc và thực hiện theo chỉ dẫn đó. Hơn nữa các chỉ dẫn này chỉ ứng với một hành động cụ thể. Khi chuyển sang hành động với vật liệu mới giáo viên lại phải chỉ dẫn cho học sinh các điều kiện mới.

*Loại định hướng thứ ba:* có đặc điểm là việc huấn luyện cách phân tích việc làm mới được đặt lên hàng đầu. Sự phân tích này cho phép học sinh rút ra các điểm tựa, các điều kiện để thực hiện đúng, sau đó theo đúng chỉ dẫn, điều kiện ấy mà tiến hành.

So với loại định hướng thứ hai loại này phức tạp và cần nhiều thời gian hơn vào lúc đầu. Nhưng bù lại ưu điểm của nó là sau khi học sinh đã nắm được cách phân tích hành động sẽ dễ dàng tự làm lấy các việc tiếp theo một cách đúng đắn. Kết quả cuối cùng, loại định hướng này cho chất lượng học tập của học sinh cao hơn [1].

### **1.3.2. Vận dụng lý thuyết P.Ia Galpêrin vào việc hình thành kỹ năng đọc và viết cho trẻ**

Lý thuyết của P.Ia.Galpêrin hướng đến những đối tượng cụ thể, phương pháp của ông rõ ràng dễ vận dụng vào trong dạy học, bất cứ giáo viên nào cũng có thể vận dụng vào trong hoạt động giảng dạy của mình và đặc biệt là phù hợp với đối tượng học sinh chậm biết đọc, biết viết.

- Thao tác của hành động đọc

- Tri giác hình thái toàn bộ
- Tri giác đúng hướng, kích thước và số lượng của nét chữ



- Nhận ra và nhớ được thứ tự sắp xếp các yếu tố
- Nói lên được các âm tương đương
- Tách âm thanh ra khỏi ký hiệu ghi âm
- Phát âm

- Thao tác của hành động viết:

- Nhớ được những hướng chung về hình thái, kích thước, nhớ chữ bao nhiêu nét.
- Nhìn nhận toàn bộ chữ cái và đọc nhằm không phát âm.
- Cầm bút không co cứng cơ bắp, thực hiện đúng ý đồ, khởi động và ngừng đúng lúc, đúng kích thước, nhớ lại những hình thái và những chữ khác nhau.
- Tri giác toàn bộ, bố cục từ trái sang phải các chữ theo đúng trình tự, hình dung được dòng kẻ, bố cục các nét, phân biệt các loại chữ cái, những nét cao lên hay kéo xuống các đường gạch.

- Kết hợp hành động đọc, hành động viết và lí thuyết hình thành hành động trí tuệ của P.Ia.Galpêrin. Chúng tôi đi sâu vào phân tích hành động đọc và hành động viết:

+ Hành động đọc:

- Học sinh nhìn thấy, sờ thấy đồ vật thật.
- Phát âm to lên được chữ cái, âm, vần, từ, câu liên quan đến bài học
- Nói thầm từ liên quan đến bài học
- Nhập tâm từ liên quan đến bài học
- Nhận mặt chữ cái

+ Hành động viết:

- Học sinh nhớ được hình thái, kích thước, của chữ cái, vần, âm, từ

- Viết được chữ cái, vần, âm, từ không cần nhìn mẫu
- Hình dung trong đầu được chữ cái, từ
- Nhập tâm chữ cái, từ, âm, vần
- Nhận mặt chữ cái, âm, vần, từ

Các thao tác này củng cố đi củng cố lại sẽ hình thành được kỹ năng đọc và kỹ năng viết.

Chúng tôi vận dụng các thao tác này vào trong quá trình thử nghiệm cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt.

## CHƯƠNG 2

### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 2.1. KHÁI QUÁT VỀ HỌC SINH DÂN TỘC KHMER Ở HUYỆN TRI TÔN

Cùng với sự phát triển kinh tế, trong những năm gần đây đời sống của đồng bào dân tộc Khmer ở huyện Tri Tôn từng bước được phát triển. Đặc biệt sau khi Chỉ thị 68/CT/TW (Về công tác phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục của đồng bào dân tộc Khmer) ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ra đời đã tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ cả trong nhận thức lẫn hành động. Nhiều chính sách, chế độ đối với đồng bào dân tộc đã được cụ thể hóa đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

Với chủ trương chính sách của Đảng ưu tiên bảo đảm phát triển giáo dục ở miền núi, các vùng dân tộc thiểu số và các vùng đặc biệt khó khăn. Cho nên công tác giáo dục trong đồng bào Khmer nói chung và đồng bào Khmer ở Tri Tôn đã có bước tiến mới. Nhận thức về vai trò của giáo dục trong đồng bào được nâng lên, sự quan tâm của các cấp, các ngành về việc đầu tư giáo dục cho con em dân tộc Khmer, cơ sở vật chất trường lớp ngày càng được tăng cường, đội ngũ giáo viên, nhân viên người Khmer ở Tri Tôn ngày càng nhiều hơn, hàng năm số học sinh dân tộc Khmer đến trường ngày càng tăng, tỷ lệ học sinh Khmer ở lại lớp giảm đáng kể.

Bên cạnh những mặt đã đạt được, giáo dục của dân tộc Khmer ở huyện Tri Tôn còn tồn tại một số vấn đề, như: giáo viên dân tộc Khmer có tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ công tác giáo dục cho học sinh dân tộc Khmer, cơ sở vật chất trường lớp còn nhiều thiếu thốn, tỷ lệ học sinh đến lớp theo đúng độ tuổi còn thấp, tỷ lệ học sinh bỏ học so với người Việt còn cao, phần lớn học sinh dân tộc Khmer ở huyện Tri Tôn trước khi vào lớp 1 chưa qua các lớp ở mẫu giáo. Dân tộc Khmer ở huyện Tri Tôn chủ yếu sống tập trung theo các Phum nên cơ hội giao tiếp với người Việt rất ít, ở gia đình chủ yếu các em giao tiếp bằng ngôn ngữ của dân tộc, do vậy học sinh tiểu học là người dân tộc phần lớn không nói được tiếng Việt. Chính vì vậy tiếng Việt đối với các em là một ngoại ngữ, nên trong quá trình học các em gặp rất nhiều khó khăn. Các em cũng không tìm được sự trợ giúp trong học tập từ phía gia đình vì phần lớn phụ huynh, học sinh không nói được Tiếng Việt.

Đời sống của đại bộ phận người dân Khmer ở huyện Tri Tôn nhìn chung có được cải thiện, nâng lên nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, nhiều gia đình phải đi làm thuê kiếm sống,

trình độ dân trí còn thấp, vẫn còn nhiều người mù chữ cả hai thứ chữ (chữ Việt và chữ Khmer). Nhận thức của một bộ phận người dân tộc đối với công tác giáo dục còn hạn chế. Trên đây là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục của dân tộc Khmer ở huyện Tri Tôn và cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến học sinh dân tộc Khmer sau khi đã hoàn thành chương trình lớp 1 nhưng vẫn chưa đọc, viết được tiếng Việt.

## **2.2 THỰC TRẠNG KỸ NĂNG ĐỌC VÀ VIẾT TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH LỚP 1 DÂN TỘC KHMER Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC B CÔ TÔ VÀ TIỂU HỌC C CHÂU LĂNG**

### **2.2.1. Những lỗi học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết thường mắc phải khi nói và viết tiếng Việt**

Phương pháp chủ yếu chúng tôi sử dụng để phát hiện ra những lỗi học sinh Khmer thường mắc phải khi nói và viết tiếng Việt là: khảo sát bằng hình thức cho học sinh làm bài kiểm tra: đọc, nghe - viết, đọc - viết ở hai trường tiểu học C Châu Lăng và tiểu học B Cô Tô.

#### **2.2.1.1. Lỗi về phụ âm đầu**

Qua dự giờ một số tiết học và qua trao đổi với giáo viên trực tiếp giảng dạy môn tiếng Việt lớp 1 ở 2 trường tiểu học B Cô Tô và tiểu học C Châu Lăng. Chúng tôi xin liệt kê ra đây một số lỗi học sinh dân tộc Khmer thường mắc phải.

##### **📁 Không phân biệt các cặp phụ âm đầu tr, ch, s, x, gi, d**

Các em không phân biệt các phụ âm đầu **tr, ch, s, x, gi, d** khi phát âm, nên khi viết, thường có xu hướng chuyển **tr → ch, s → x, d → gi** theo như cách phát âm. Nhưng không chỉ viết sai theo một chiều theo cách phát âm. Có thể giải thích hiện tượng này cũng là bắt nguồn từ sự không phân biệt được các cặp phụ âm này, từ đó hình thành tâm lý “sợ sai” của học sinh khiến học sinh lúng túng khi gặp phải những từ có sự hiện diện của các phụ âm này.

Trong số 50 từ có sự hiện diện của phụ âm đầu tr được lấy từ các bài kiểm tra của học sinh thì có 10 trường hợp viết đúng còn lại 42 trường hợp viết sai (Cụ thể trong bài 59, Tiếng Việt lớp 1, tập 1, Trên trời → chên chời).

##### ***Ví dụ mẫu***

tr → ch	ch → tr
trước mắt → chước mắt trở nên → chở nên trò giỏi → chò giỏi trời sáng → chời sáng lớp trưởng → lớp chưởng	buổi chiều → buổi triều chúc mừng → trúc mừng chúng em → trúng em ra chơi → ra trôi chăm chú → trắm trú
s → x	x → s
siêng năng → xiêng năng nắng sớm → nắng xớm suốt đời → xuốt đời	xung phong → sung phong xa xôi → sa sôi xứng đáng → sừng đáng

### 2.2.1.2. Những lỗi về thanh điệu

Đánh giá các lỗi sai về thanh điệu trong các bài kiểm tra của học sinh lớp 1 vào các ô tương ứng của bảng phân bố theo nguyên tắc: *cột dọc là các thanh đúng theo chính tả, hàng ngang là học sinh viết sai*. Chúng tôi có kết quả ở bảng sau:

**Bảng 2.1: Lỗi về thanh điệu (%)**

Viết sai thanh	Thanh đúng						
	ngang	huyền	hỏi	ngã	sắc	nặng	
Ngang		1			10		
huyền							
Hỏi				8		3	
Ngã			20			2	
Sắc							

Nặng			7	1		
------	--	--	---	---	--	--

Từ kết quả bảng 2.1 chúng tôi có thể rút ra một số nhận xét như sau:

- Lẫn lộn thanh hỏi – thanh ngã: từ biểu đồ trên chúng ta thấy lỗi phổ biến nhất là viết sai từ thanh ngã thành thanh hỏi (chiếm tỷ lệ 50%).

Trường hợp này xảy ra không chỉ đối với học sinh dân tộc Khmer mà cả với học sinh dân tộc Việt. Nguyên nhân là do cách phát âm của phương ngữ Nam Bộ không phân biệt được hai thanh này. Vì vậy tỷ lệ viết sai thanh hỏi thành thanh ngã chiếm tỷ lệ 16%.

- Do tiếng Khmer là một ngôn ngữ không có thanh điệu, nên khi phát âm tiếng Việt học sinh Khmer thường phát âm sai về thanh điệu. Đặc biệt là thanh hỏi và thanh ngã.

- Lẫn lộn thanh sắc, thanh huyền với thanh ngang: lỗi viết sai từ thanh ngang thành thanh sắc chiếm tỷ lệ cao nhất trong loại lỗi này.

### 2.2.1.3. Những lỗi chính tả đối với nguyên âm

◆ Không phân biệt nguyên âm đơn và nguyên âm đôi cùng dòng

*Một vài trường hợp cụ thể*

i → iê	iê → i
dịu dàng → điệu dàng	điều hâu → diu hâu
triu mên → triều mên	thủy triều → thủy triu
điù dất → điều dất	điều đó → diu đó

### 2.2.2. Kỹ năng đọc và viết tiếng Việt của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết ở hai trường chọn nghiên cứu

Qua kết quả khảo sát chất lượng về kỹ năng đọc, viết tiếng Việt của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer ở trường tiểu học C Châu Lãng và tiểu học B Cô Tô cho thấy: tỉ lệ học sinh chưa nhận biết hết các mặt chữ trong bảng chữ cái và viết một số từ đơn giản rất cao. Cụ thể:

**Bảng 2.2: Kỹ năng đọc và viết tiếng Việt của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết**

Trường	<i>Trường tiểu học C Châu Lãng</i>									
	Giới tính		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Nam	15	48,3	11	73,3	3	20,0	1	6,6	0	0
Nữ	16	51,6	10	62,5	4	25,0	2	12,5	0	0
Tổng	31	100	21	67,7	7	22,5	3	9,5	0	0
Trường	<i>Trường tiểu học B Cô Tô</i>									
	Giới tính		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Nam	9	42,8	6	66,6	2	22,2	1	11,1	SL	%
Nữ	12	57,1	8	66,6	2	16,6	2	16,6	0	0
Tổng	21	100	14	66,6	4	19,4	3	13,8	0	0
<b>Tổng cả 2 trường</b>	<b>52</b>	<b>100</b>	<b>35</b>	<b>67,1</b>	<b>11</b>	<b>20,9</b>	<b>6</b>	<b>11,7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

### *Nhận xét chung*

Trong tổng số 52 học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết ở hai trường tiểu học C Châu Lãng và tiểu học B Cô Tô được khảo sát về kỹ năng đọc, viết tiếng Việt thể hiện ở kết quả ở bảng 2.2 như sau: Số học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chưa đạt được kỹ năng cơ bản đọc và viết tiếng Việt là rất cao.

Sau đây chúng tôi sẽ phân tích theo từng khía cạnh:

### *So sánh theo mức độ*

Ở mức 1 (chưa nhận biết hết các chữ trong bảng chữ cái tổng hợp): Có số lượng học sinh 35 em chiếm tỉ lệ 67,18%. Điều đó nói lên rằng sau khi đã gần như hoàn thành chương trình

lớp 1 nhưng học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt vẫn chưa nhận diện hết 29 chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.

Ở mức 2 (biết đọc và viết vài âm tiết đơn giản): So với 3 mức của mẫu, mức 2 đứng thứ 2 có số lượng học sinh 11 em, chiếm tỷ lệ 20,97%. Những học sinh ở mức này có biểu hiện đọc chữ tốt hơn những học sinh ở mức 1 về mức độ đọc thành thạo 29 chữ cái tiếng Việt và bước đầu có được kỹ năng đọc ghép các âm hai con chữ {c – a = ca}, nhưng vẫn chưa có được các biểu tượng và các thao tác của hình thức ghép âm ngược {a – c = ac}.

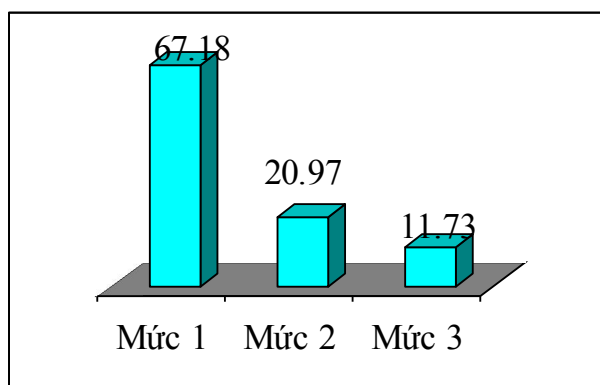
Ở mức 3 (Biết đọc, ghép và viết các tiếng từ 2 âm trở lên): Ở mức này có 6 em học sinh, chiếm tỷ lệ 11,73%. Các em đã đọc và ghép được các âm tiết có ba âm trở lên {học, làm...} đọc được các vần có cấu trúc *Âm chính + âm cuối* và *Âm đệm + âm chính + âm cuối* {am, ao, oa...}. Tuy nhiên tốc độ đọc và ghép của học sinh khi triển khai ở các cấu trúc trên rất chậm, có em phải mất tới 2 phút mới đọc đúng chữ {học}, kỹ năng thực hiện thao tác đánh vần còn rất vấp vả, chưa thành thạo, tuy vậy so với những học sinh ở mức 1, 2 thì các em ở mức 3 có sự khác biệt lớn về kỹ năng đọc được chữ.

Ở Mức 4 (Đọc trơn từ liền 2 tiếng có cấu tạo từ 2 âm trở lên): Không có học sinh nào đạt được mức này trên tổng số 52 học sinh chọn khảo sát.

Như vậy xét ở mức độ các mức học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt còn chiếm tỉ lệ khá cao, số lượng học sinh đọc thông, viết thạo tiếng Việt vẫn còn hạn chế.

Kết quả khảo sát của 2 trường xét theo mức độ thể hiện dưới hình thức biểu đồ sau:

**Biểu đồ 2.1: Kết quả khảo của 2 trường xét theo mức độ**



**So sánh hai trường**

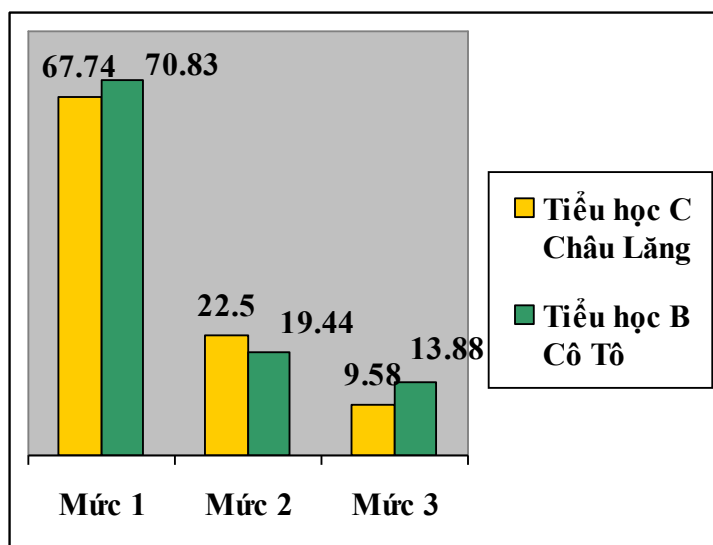


Trường tiểu học C Châu Lãng: có tổng số 31 học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết nằm xen kẽ ở ba mức độ, tuy nhiên tập trung nhiều nhất là ở mức 1: với số lượng 21 học sinh, chiếm tỷ lệ 67,74%; mức 2: số lượng 7, chiếm 22,50% và mức 3: 3 học sinh chiếm 9,58%.

Trường tiểu học B Cô Tô: có tổng số 21 học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt. Ở mức 1, trường có số lượng học sinh là 14 em chiếm tỷ lệ 70,83% cao hơn so với trường tiểu học C Châu Lãng; mức 2: có 4 em học sinh chiếm 19,44% và mức 3 có 3 em chiếm tỉ lệ 13,88%.

Kết quả khảo sát kỹ năng đọc và viết của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt của 2 trường thể hiện dưới hình thức biểu đồ sau:

**Biểu đồ 2.2: Kỹ năng đọc và viết tiếng Việt của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer ở 2 trường chọn nghiên cứu**



Nhìn chung học sinh ở hai trường chỉ đạt kỹ năng đọc và viết tiếng Việt ở mức 1, 2, 3. So sánh giữa hai trường với nhau, trường tiểu học C Châu Lãng kỹ năng đọc, viết tiếng Việt khá hơn so với tiểu học B Cô Tô, tuy nhiên nếu xét về yêu cầu của Bộ Giáo dục – Đào tạo, số lượng học sinh chưa đạt chuẩn còn nhiều.

#### ***So sánh theo giới tính***

Ở mức 1: Nam chiếm tỷ lệ 69,99% với số lượng 17 học sinh, còn nữ 68,75% với 18. Ở mức này Nam và nữ có tỷ lệ tương đương nhau.

Ở mức 2: Nam chiếm tỷ lệ 21,11% với số lượng 5 học sinh, còn nữ chiếm tỷ lệ 20,83%, với số lượng 6 em .

Ở mức 3: Nam chiếm tỷ lệ 8,88% với số lượng là 2 em, nữ chiếm tỷ lệ 14,58%, với số lượng 4 em.

### **2.3. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CỦA GIÁO VIÊN; MỨC ĐỘ SỬ DỤNG TIẾNG VIỆT CỦA PHỤ HUYNH HỌC SINH VÀ CÁC NGUYÊN NHÂN ẢNH HƯỞNG ĐẾN KỸ NĂNG ĐỌC VÀ VIẾT CỦA HỌC SINH LỚP 1 DÂN TỘC KHMER CHẬM BIẾT ĐỌC, BIẾT VIẾT Ở HAI TRƯỜNG CHỌN NGHIÊN CỨU**

#### **2.3.1. Phương pháp giảng dạy của giáo viên ở 2 trường chọn nghiên cứu**

Với mong muốn xác định rõ nguyên nhân nào ảnh hưởng nhiều đến kỹ năng đọc và viết tiếng Việt của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer, chúng tôi có đặt câu hỏi:

*Phương pháp dạy môn Tiếng việt cho học sinh lớp 1 của thầy cô hiện nay là gì?*

Kết quả như sau:

**Bảng 2.3. Phương pháp dạy môn Tiếng việt cho học sinh lớp 1 của giáo viên ở 2 trường chọn nghiên cứu**

<b>Phương pháp dạy môn Tiếng việt cho học sinh lớp 1 giáo viên ở 2 trường chọn nghiên cứu</b>		
	SL	%
Dạy đọc trước dạy viết sau	5	25
Dạy viết trước dạy đọc sau	3	15
Dạy đọc, viết từng âm, vần cụ thể	4	20
Dạy đọc và viết đồng thời	8	40

Như vậy với số liệu ở bảng 2.3 cho chúng ta thấy phần lớn giáo viên “dạy đọc và viết đồng thời”. Chúng tôi cũng tham dự một số tiết dạy của giáo viên 2 trường chọn nghiên cứu, giáo viên sau khi dạy cho học sinh cách đọc một vần hoặc âm nào đó rồi dạy cho em cách viết, cụ thể hơn là giáo viên đọc và viết mẫu cho học sinh làm theo.

### 2.3.2. Mức độ sử dụng tiếng Việt của phụ huynh học sinh lớp 1 dân tộc Khmer

Qua kết quả thăm dò ý kiến của 16 phụ huynh học sinh lớp 1 dân tộc Khmer về mức độ sử dụng tiếng Việt trong đời sống hàng ngày.

Kết quả cụ thể như sau:

**Bảng 2.4. Mức độ nói tiếng Việt của phụ huynh học sinh ở 2 trường chọn nghiên cứu**

Mức độ nói tiếng Việt	Có		Không	
	SL	%	SL	%
Nói được tiếng Việt	2	12,5	14	87,5
Giao tiếp tiếng Việt trong gia đình	0	0	16	100
Giao tiếp với con đang đi học bằng tiếng Việt	4	25	12	75
Giao tiếp với họ hàng, làng xóm bằng tiếng Việt	1	6,25	15	93,7
Giao tiếp tiếng Việt khi đi ra ngoài	3	18,7	13	81,2

Qua thăm dò ý kiến của 16 phụ huynh học sinh ở hai trường chọn nghiên cứu, hầu hết cho rằng không sử dụng tiếng Việt khi giao tiếp trong gia đình (100%); 25% phụ huynh học sinh có thể giao tiếp với con đang đi học bằng tiếng Việt; 6,25 % phụ huynh học sinh có thể giao tiếp với họ hàng, làng xóm bằng tiếng Việt; 12,5% phụ huynh học sinh nói được tiếng Việt và 18,7% giao tiếp bằng tiếng Việt khi đi ra ngoài. Như vậy mức độ sử dụng tiếng Việt của phụ huynh học sinh còn hạn chế, phần lớn không biết tiếng Việt, chính vì vậy các em về nhà không có điều kiện được học thêm tiếng Việt. Đây là một trong những hạn chế khiến cho việc học tiếng Việt của các em ngày càng khó khăn hơn.



1	Học sinh lớp 1 chưa học các lớp mẫu giáo	12	80	2	13,3	1	6,6
2	Phương pháp dạy đọc và viết tiếng Việt hiện nay chưa phù hợp trình độ học sinh	14	82,3	3	17,6	0	0,0
3	Học sinh dân tộc Khmer trước khi vào lớp 1 chưa nói được tiếng Việt	8	80	2	20	0	0,0
4	Trường học thuộc địa bàn miền núi nên việc tiếp xúc với người Kinh đối với các em rất hạn chế	1	25	1	25	2	50
5	Ý thức học tập của học sinh dân tộc Khmer chưa cao	1	33,3	2	66,6	0	0,0
6	Hình thức dạy đọc và viết tiếng Việt của giáo viên chưa tạo hứng thú học tập cho học sinh	1	50	2	66,6	0	0,0

Theo kết quả của bảng 2.5, tất cả 6 nguyên nhân đều ảnh hưởng đến thực trạng học sinh chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt ở hai trường tiểu học B Cô Tô và tiểu học C Châu Lãng. Trong đó nguyên nhân “Phương pháp dạy đọc và viết tiếng Việt hiện nay chưa phù hợp với trình độ học sinh” là một trong những nguyên nhân có ảnh hưởng nhiều nhất đến các em học sinh lớp 1 dân tộc Khmer (rất ảnh hưởng: 82,35%; ảnh hưởng: 17,64%). Phương pháp dạy đọc và viết tiếng Việt ở các trường tiểu học mà cụ thể trường tiểu học C Châu Lãng và tiểu học B Cô Tô. Chúng tôi có dự giờ một số tiết dạy của giáo viên, có thể mô tả chung về phương pháp và tiến trình dạy đọc của giáo viên như sau: Giáo viên cho học sinh nhận diện chữ hoặc vần mới, mô tả chúng dựa trên chữ mẫu được viết trên bảng. Sau đó giáo viên đọc mẫu và cho học sinh đọc theo... Đối với học sinh dân tộc Khmer học tiếng Việt là một môn học ngoại ngữ. Do vậy với phương pháp dạy học tiếng Việt như hiện nay các em không thể

theo kịp, kết quả học sinh hoàn thành chương trình lớp 1 nhưng vẫn rơi vào hiện trạng chậm biết đọc, biết viết.

Nguyên nhân thứ 2 là "Học sinh lớp 1 chưa học hết các lớp mẫu giáo" (rất ảnh hưởng: 80; ảnh hưởng: 13,33). Điều này khẳng định sự chuẩn bị cho học sinh trước khi vào lớp 1 là rất quan trọng, đặc biệt quan trọng hơn nữa đối với học sinh dân tộc Khmer. Trong khi đó ở huyện Tri Tôn điều kiện trường, lớp dạy học sinh mẫu giáo rất hạn chế, rất ít trường có khuôn viên dành riêng cho các em, đối với học sinh dân tộc Khmer lại càng gặp nhiều khó khăn hơn, giáo viên dạy ở các lớp mẫu giáo là người dân tộc rất ít. Điều đó sẽ ảnh hưởng đến chất lượng đầu vào khi các em bước vào lớp 1, và Nguyên nhân "Học sinh lớp 1 dân tộc Khmer trước khi vào lớp 1 chưa nói được tiếng Việt" (rất ảnh hưởng: 80% và ảnh hưởng: 20%). Đối với những trường có đông học sinh dân tộc Khmer, yếu tố "Ngôn ngữ dân tộc - tiếng mẹ đẻ" là một vấn đề rất khó khăn trong quá trình các em lĩnh hội thêm một "ngoại ngữ" khác, cụ thể tiếng Việt là một ngoại ngữ đối với các em học sinh dân tộc Khmer.

Cũng để làm rõ hơn về vấn đề này, chúng tôi cũng đã phỏng vấn 8 phụ huynh học sinh ở hai trường. Kết quả cho thấy: tất cả 8 phụ huynh đều cho rằng "*Khi ở trong gia đình tất cả các thành viên đều không nói tiếng Việt*", mặc dù họ vẫn biết một ít tiếng Việt để khi đi chợ hay có công chuyện vẫn có thể giao tiếp với người Kinh.

Anh Chau Soc Ch, 32 tuổi Phụ huynh của em Chau Sóc N. huyện Tri Tôn cho biết: "Vợ chồng chúng tôi cũng biết ít tiếng Việt nhưng chúng tôi không ai nói tiếng Việt khi ở nhà mình, con tôi đi học nhưng về nhà tôi cũng không nghe nó nói tiếng Việt mỗi khi nó học bài".

Cha mẹ không biết tiếng Việt hoặc không thường xuyên nói tiếng Việt cũng là một trong những nguyên nhân dẫn tới học sinh dân tộc Khmer trước khi vào lớp 1 không biết tiếng Việt.

Ngoài ra, nguyên nhân "Hình thức dạy đọc và viết tiếng Việt của giáo viên chưa tạo hứng thú học tập cho học sinh" là một trong nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến kỹ năng đọc, viết của các em học sinh lớp 1 dân tộc Khmer, vì một khi giáo viên không tạo được cho các em hứng thú học tập, các em sẽ không có sự cố gắng vượt qua được những khó khăn và sẽ dẫn đến bỏ cuộc.

Nguyên nhân, "Ý thức học tập của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chưa cao". Đời sống của dân tộc Khmer còn nhiều khó khăn, các em phải tiếp gia đình đi làm xa, cuộc sống không ổn định, cha mẹ chưa quan tâm đúng mức đến việc học tập của con em, từ đó ảnh hưởng không ít đến kết quả học tập của các em.

Nguyên nhân, "Trường học thuộc địa bàn miền núi việc giao lưu với dân tộc Việt đối với các em rất hạn chế" (rất ảnh hưởng: 25%; ảnh hưởng: 25%). Dân tộc Khmer ở huyện Tri Tôn chủ yếu sống tập trung theo các Phum nên việc giao lưu với dân tộc Việt rất ít, chủ yếu giao lưu với người cùng dân tộc mình.

Ngoài ra còn một số nguyên nhân ảnh hưởng đến học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt như: Nguyên nhân "Năng lực và nhiệt tình của giáo viên chưa cao"; "Gia đình chưa quan tâm nhiều đến việc học của con em mình". Chúng tôi có trao đổi với Ban giám hiệu, Cô hiệu phó tâm sự: "*Thực trạng học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt không hoàn toàn do trình độ nhận thức của các em, mà một phần do năng lực và sự nhiệt tình của giáo viên*".

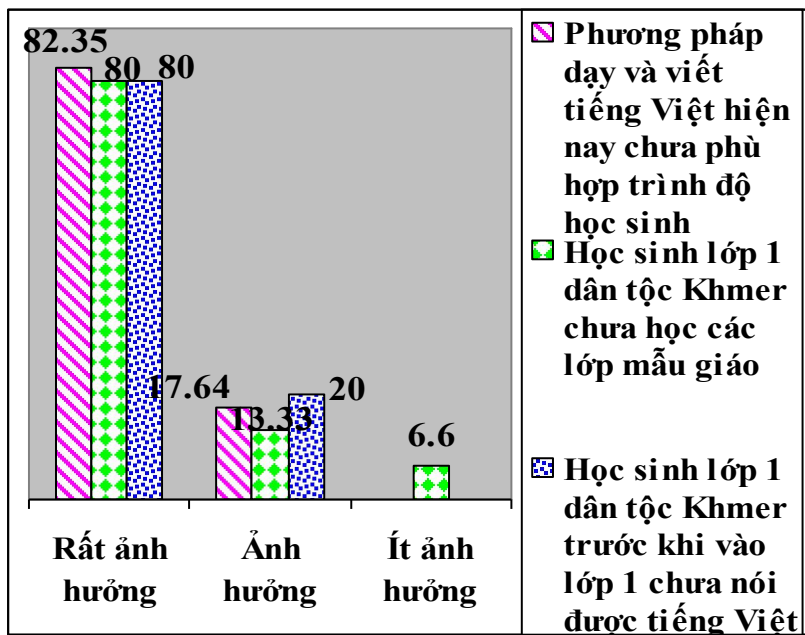
Tóm lại, từ các ý kiến về phía các thầy cô giáo, Ban giám hiệu của hai trường chọn nghiên cứu, qua quan sát và nghiên cứu trao đổi trực tiếp, chúng tôi có thể đưa ra kết luận như sau:

Có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết ở trường Tiểu học B Cô Tô và tiểu học C Châu Lăng ở huyện Tri Tôn tỉnh An Giang, trong đó có ba nguyên nhân có ảnh hưởng nhiều đến việc học tiếng Việt của các em đó là:

- Phương pháp dạy đọc và viết tiếng Việt hiện nay chưa phù hợp trình độ học sinh
- Học sinh lớp 1 chưa học hết các lớp mẫu giáo.
- Học sinh dân tộc Khmer trước khi vào lớp 1 chưa nói được tiếng Việt.

Kết quả khảo sát của ba nguyên nhân này được thể hiện dưới dạng biểu đồ sau:

**Biểu đồ 2.4: Ba nguyên nhân ảnh hưởng nhiều nhất đến kỹ năng đọc và viết tiếng Việt của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer**



Như vậy trong các nguyên nhân, nguyên nhân “**phương pháp dạy đọc và viết tiếng Việt hiện nay chưa phù hợp với trình độ học sinh**” ảnh hưởng nhiều nhất đến kỹ năng đọc viết của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer ở trường tiểu học C Châu lãng. Trên cơ sở đó chúng tôi sẽ tiến hành thử nghiệm phương pháp dạy học dựa trên lý thuyết của P.Ia. Galpêrin.

## 2.4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỬ NGHIỆM HÌNH THÀNH KỸ NĂNG ĐỌC VÀ VIẾT CHO HỌC SINH LỚP 1 DÂN TỘC KHMER CHẬM BIẾT ĐỌC VÀ BIẾT VIẾT

### \* Giới thiệu chương trình

Học sinh lớp 1 dân tộc Khmer sau khi đã gần hoàn thành xong chương trình lớp 1 nhưng vẫn chưa biết đọc, biết viết theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo {"Đọc đúng và rõ bài văn đơn giản (khoảng 30 chữ/phút), hiểu nghĩa các từ thông thường và nội dung thông báo của bài văn, đoạn văn. Viết đúng chữ thường, chép đúng chính tả đoạn văn (khoảng 30 chữ/15 phút). Nghe hiểu lời giảng và lời hướng dẫn của giáo viên. Nói rõ ràng, trả lời được câu đơn giản"}. Đây là chương trình bồi dưỡng cho học sinh dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết.

Chương trình gồm có tất cả 6 bài, được thực hiện trong 12 tiết.

### \* Mục tiêu chương trình

Học xong chương trình này học sinh sẽ đạt được:



Kiến thức: Nhận diện và phát âm được các âm, vần, từ; đọc được câu ứng dụng và phát triển lời nói tự nhiên theo nội dung.

Kỹ năng: Đọc đúng và đọc trơn tiếng; hiểu nghĩa các từ thông thường, hiểu ý diễn đạt trong câu đã đọc; đọc được các câu ứng dụng.

Thái độ: Thích thú nói tự nhiên theo nội dung.

**\* Nội dung thử nghiệm**

Tên bài	Thời gian		
	Tổng số tiết	Luyện đọc	Luyện viết
<u>Bài 1</u> : g - h	2	1	1
<u>Bài 2</u> : k- kh	2	1	1
<u>Bài 3</u> : x - ch	2	1	1
<u>Bài 4</u> : i - a	2	1	1

**\* Hướng dẫn dạy – học cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết ở huyện Tri Tôn tỉnh An Giang**

**BÀI 1: G - GH**

Thời lượng: 2 tiết

**1. Mục tiêu**

- Kiến thức: Học sinh nhận biết được chữ g, gh; tiếng gà, ghê
- Kỹ năng: Đọc được câu ứng dụng: Nhà bà có tủ gỗ, ghé gỗ
- Thái độ: Phát triển lời nói tự nhiên theo nội dung: gà gô

**2. Đồ dùng dạy học**

- Giáo viên: - Bảng chữ cái tổng hợp
- Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1
  - Tranh minh họa
  - Đồ dùng trực quan: con gà, ghé bằng nhựa, các chữ cái

Học sinh: Sách giáo khoa, bảng con, vở tập viết

NỘI DUNG BÀI	HƯỚNG DẪN DẠY
<p>- Âm h</p> <p>- Âm g</p> <p>- Từ con gà, ghế</p> <p>- Câu: Nhà bà có tủ gỗ ghế gỗ</p>	<p><b>Tiết 1: Luyện đọc</b></p> <p>Giới thiệu bài: Giới thiệu trực tiếp hôm nay học âm h - g</p> <p><b>CÁCH TIẾN HÀNH</b></p> <p><b>Bước 1: Học sinh nhìn thấy, sờ thấy sự vật</b></p> <p>Giáo viên cho học sinh sờ thấy chữ cái g, h, con gà, ghế.</p> <p>Giáo viên phát âm âm g, h, con gà, ghế và cho cả lớp cùng đọc từng âm, từ.</p> <p>Bước này giáo viên cho học sinh thực hiện nhiều lần.</p> <p><b>Bước 2: Học sinh phát âm to lên các âm g, h và từ con gà, ghế và câu</b></p> <p>Giáo viên cho tất cả học sinh trong lớp phát âm to các âm và từ trong bài học.</p> <p>Giáo viên gọi từng học sinh phát âm to.</p> <p>Giáo viên đọc câu: “Nhà bà có tủ gỗ, ghế gỗ”.</p> <p>Bước này giáo viên cũng cho học sinh lặp đi lặp lại nhiều lần.</p> <p><b>Bước 3: Nói thầm âm: g, h, từ: gà, ghế và câu: Nhà bà có tủ gỗ, ghế gỗ</b></p> <p>Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc thầm từng âm, từ và câu.</p> <p>Tất cả học sinh cùng thực hiện.</p> <p>Bước này cũng được thực hiện nhiều lần.</p> <p><b>Bước 4: Nhận tâm âm: g, h, từ: gà, ghế và câu: Nhà bà có tủ gỗ, ghế gỗ.</b></p> <p><b>Bước 5: Nhận mặt âm: g, h, từ: gà, ghế và câu: Nhà bà có tủ gỗ, ghế gỗ.</b></p> <p>Giáo viên sẽ dùng bảng chữ cái và gọi từng em chỉ vào âm nào là âm g,h trong bảng chữ cái và ghép các âm thành từ “gà” và từ “ghế”.</p>

	<p>Bước 5 sẽ được củng cố nhiều lần trong tiết học.</p> <p><b>Tiết 2: Luyện viết</b></p> <p><b>Bước 1: Giúp học sinh hình dung và nhớ được hình thái của âm g và h</b></p> <p>Giáo viên giúp học sinh ôn lại âm g và h đã học.</p> <p>Giáo viên chỉ cho học sinh những điểm cần lưu ý đối với 2 âm này.</p> <p>Giáo viên hướng dẫn học sinh cách viết âm g và âm h.</p> <p>Bước này giáo viên cho học sinh củng cố nhiều lần.</p> <p><b>Bước 2 : Viết được chữ cái, vần, âm, từ không cần nhìn mẫu</b></p> <p><b>Bước 3: Học sinh tự hình dung trong đầu âm g và âm h.</b></p> <p><b>Bước 4: Nhập tâm âm g và âm h.</b></p> <p><b>Bước 5: Giáo viên cho học sinh tự tập viết âm g, h</b></p> <p>Bước này giáo viên cho học sinh làm nhiều lần.</p> <p><i>Giáo viên dặn dò</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh tìm chữ vừa học (trong sách giáo khoa, ở nhà)</li> <li>- Xem trước bài hôm sau học</li> </ul>
--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

#### 2.4.1. Kỹ năng đọc và viết của học sinh trước thử nghiệm

Chúng tôi chọn ngẫu nhiên 20 học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết ở trường tiểu học C Châu Lăng.

**Bảng 2.6. Kỹ năng đọc, viết của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer trước khi thử nghiệm**

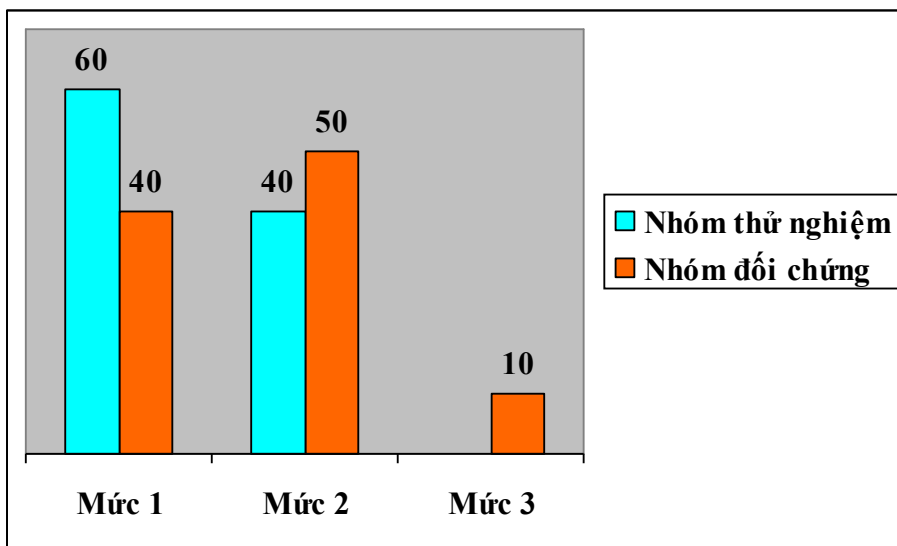
Kỹ năng đọc, viết của nhóm thử nghiệm và nhóm đối chứng trước khi thử nghiệm					
MỨC 1		MỨC 2		MỨC 3	
Đối chứng	Thử	Đối chứng	Thử	Đối chứng	Thử

		nghịệm				nghịệm				nghịệm	
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
5	50	6	60	4	40	4	40	1	10	0	0

Bảng 2.6 cho thấy, kỹ năng đọc, viết của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết giữa nhóm thử nghiệm và nhóm đối chứng tương đương nhau. Cả 2 nhóm không có học sinh nào đạt đến mức 4 chỉ có 1 em ở nhóm đối chứng đạt mức 3.

Kết quả được thể hiện dưới dạng biểu đồ sau:

**Biểu đồ 2.5: Kỹ năng đọc, viết của nhóm thử nghiệm và nhóm đối chứng trước khi thử nghiệm**



#### 2.4.2. Kết quả thử nghiệm đạt được của nhóm thử nghiệm và nhóm đối chứng

Chúng tôi tiến hành đo 2 đợt:

- Đợt 1: sau 3 tuần thử nghiệm
- Đợt 2: sau 6 tuần thử nghiệm

##### 2.3.2.1. Kết quả đo đợt 1

## Bảng 2.7: Kỹ năng đọc và viết tiếng Việt của nhóm thử nghiệm

### và nhóm đối chứng thử nghiệm lần 1

Kỹ năng đọc, viết của nhóm thử nghiệm và nhóm đối chứng thử nghiệm lần 1															
Mức 1				Mức 2				Mức 3				Mức 4			
Đối chứng		Thử nghiệm		Đối chứng		Thử nghiệm		Đối chứng		Thử nghiệm		Đối chứng		Thử nghiệm	
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
5	50	1	10	4	40	2	20	1	10	5	50	0	0	2	20

#### Nhận xét:

#### **Nhóm thử nghiệm:**

Nhìn vào bảng 2.7, chúng ta thấy có sự chuyển biến giữa các mức ở lớp thử nghiệm.

- Sự chuyển biến thứ nhất: chỉ có 1 em trong tổng số 10 em chưa nhận biết hết các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt chiếm 10%, ở mức 2 có 2 em, chiếm 20%.

- Sự chuyển biến thứ 2: Số lượng học sinh ở mức 3 và mức 4 tăng lên. Cụ thể mức 3 có 5 em chiếm tỷ lệ 50% và mức 4 có 2 em, chiếm tỷ lệ 20%.

Từ kết quả của hai sự chuyển biến đã phân tích trên dựa vào bảng số 2.7 cho chúng ta thấy được sự hoán đổi giữa các mức, sự hoán đổi này có ý nghĩa lớn trong quá trình thử nghiệm, điều đó nói lên tính khả thi của phương pháp lần 1 thử nghiệm.

Thầy Châu Chanh N ở trường tiểu học C Châu Lăng đã chia sẻ: “*Dạy theo phương pháp này học sinh rất hứng thú, các em tích cực học, từng cá nhân tập trung vào bài học hơn*”.

Chúng tôi có thể giải thích sự thay đổi hứng thú học tập của học sinh như mô tả ở trên cơ bản xuất phát từ phương pháp học tập và nội dung bài học có tính chất đặc trưng, phù hợp với trình độ hiện tại của học sinh. Cụ thể như: trong tiết học bình thường những học sinh chậm biết đọc, biết viết sẽ không theo kịp các yêu cầu chung của giáo viên đưa ra... các em rất chán vì cảm thấy mình bị tách ra khỏi hoạt động chung của thầy cô và các bạn. Do vậy những em yếu lại càng không có hứng thú học tập dẫn đến hệ quả yếu lại càng yếu hơn.

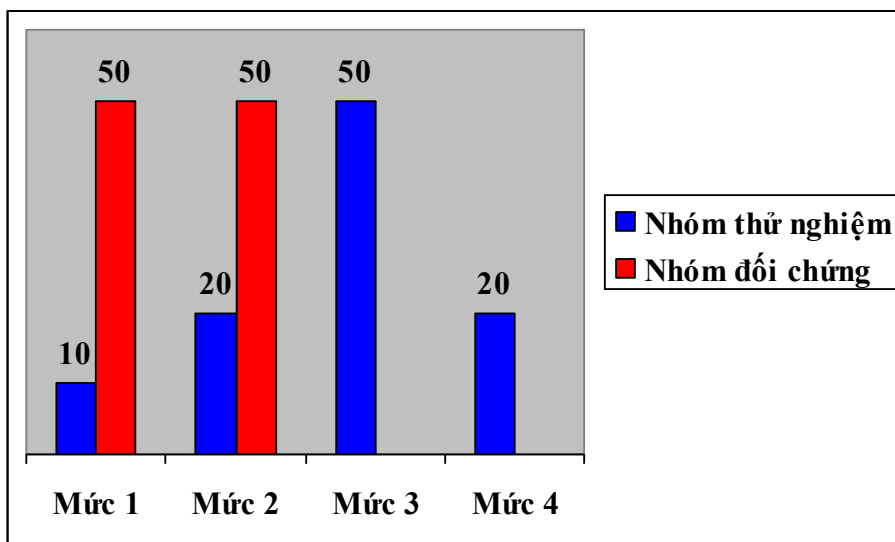
Tuy nhiên, bên cạnh sự tiến bộ của những học sinh ở các mức vừa nêu trên, riêng ở mức 1 có một số em sau thử nghiệm vẫn chưa có sự chuyển biến, chẳng hạn: em Chau Q, học sinh lớp 1C, đo đầu vào kỹ năng đọc của em ở mức 1, nhưng sau thử nghiệm, kết quả chưa đạt được như mong muốn. Nguyên nhân học sinh Chau Q, chưa có sự chuyển biến là vì em thường xuyên vắng học không có lý do, thời gian học tập trên lớp so với các bạn rất ít, như thế tính hiệu quả của phương pháp còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó chúng tôi cho rằng, người học là nhân vật trung tâm trong hoạt động học tập, là yếu tố cơ bản, phần nhiều quyết định đến chất lượng học tập.

### **Nhóm đối chứng:**

Sau ba tuần thử nghiệm chúng tôi tiến hành đo lần 2 lớp đối chứng đồng thời với lớp thử nghiệm. Kết quả bảng 2.7 cho thấy: so với kết quả khảo sát trước thử nghiệm, kết quả đo lần 1 có sự thay đổi, nhưng thay đổi ít.

**Nhận xét chung:** Sau đợt 1 thử nghiệm kết quả đạt được của lớp thử nghiệm có sự chuyển biến tích cực, còn lớp đối chứng ít có sự thay đổi. Kết quả được thể hiện dưới dạng biểu đồ sau:

**Biểu đồ 2.6: Kết quả đạt được của nhóm thử nghiệm và nhóm đối chứng thử nghiệm lần 1**



### **2.4.3. Kết quả đo đợt 2**

**Bảng 2.8 : Kỹ năng đọc, viết tiếng Việt của nhóm thử nghiệm và nhóm đối chứng thử nghiệm lần 2**

<b>Kỹ năng đọc, viết của nhóm thử nghiệm và nhóm đối chứng thử nghiệm lần 2</b>															
Mức 1				Mức 2				Mức 3				Mức 4			
Đối chứng		Thử nghiệm		Đối chứng		Thử nghiệm		Đối chứng		Thử nghiệm		Đối chứng		Thử nghiệm	
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
4	40	0	0	5	50	0	0	1	10	7	70	0	0	3	30

**Nhận xét:**

**Nhóm thử nghiệm:**

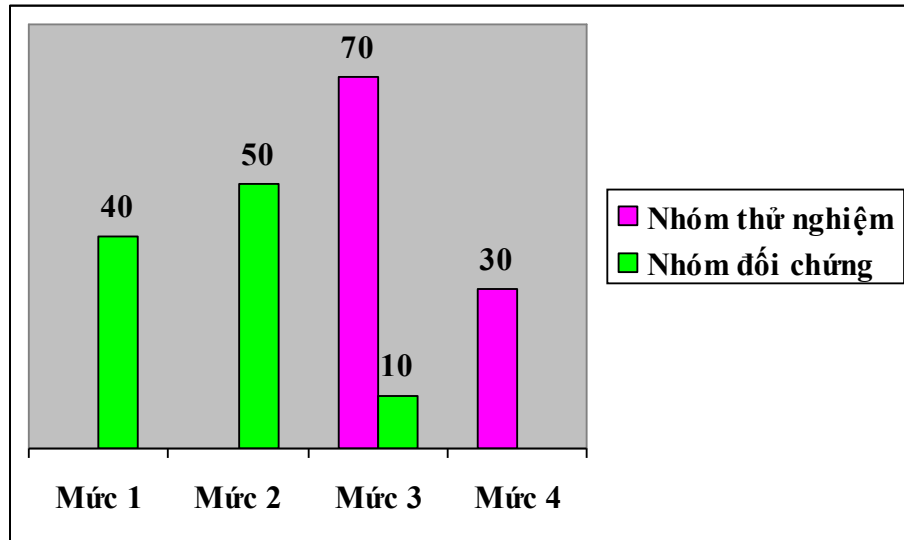
Nhìn vào bảng 2.8, chúng ta thấy sau 6 tuần thử nghiệm kỹ năng đọc, viết tiếng Việt của 10 học sinh đã có sự chuyển biến rõ rệt. Cụ thể: ở mức 1 và mức 2: không còn em nào, mức 3 số lượng em đã tăng lên với số lượng 7 em chiếm tỷ lệ 70%. Mức 4 có 3 em chiếm tỷ lệ 30%. Với kết quả đạt được sau 6 tuần thử nghiệm chúng tôi đã đạt được mục tiêu đề ra.

**Nhóm đối chứng:**

Kết quả đo đợt 2 của lớp đối chứng có sự chuyển biến so với đo đợt 1, tuy nhiên sự chuyển biến đó không lớn. So với kết quả của lớp thử nghiệm, lớp đối chứng tỷ lệ học sinh ở mức 1 là 40%, mức 2 là 50%, so với đo lần 2, đo lần 3 ở lớp đối chứng có 1 em, chiếm tỷ lệ 10%.

Kết quả của 2 nhóm được thể hiện dưới hình thức biểu đồ sau:

**Biểu đồ 2.7: Kết quả đạt được của nhóm thử nghiệm và nhóm đối chứng thử nghiệm lần 2**



### **Tóm lại:**

Qua 6 tuần thử nghiệm cho thấy chương trình hình thành kỹ năng đọc, viết cho học sinh lớp 1 dân tộc khmer chậm biết đọc, biết viết ở trường tiểu học C Châu Lãng bước đầu có hiệu quả.

- Kỹ năng đọc và viết tiếng Việt cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết ở trường tiểu học C Châu Lãng đã có nhiều tiến bộ.

- Giúp cho Ban giám hiệu, giáo viên giảng dạy ở trường tiểu học C Châu Lãng có thêm phương pháp dạy học mới nhằm hình thành kỹ năng đọc viết cho học sinh dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết.

- Tạo hứng thú và tâm lý tự tin khi học môn tiếng Việt cho các em học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết.

- Tỷ lệ học sinh chậm biết đọc, biết viết ở trường tiểu học C Châu Lãng sau 6 tuần thử nghiệm đã đạt được mức chuẩn của Bộ Giáo dục - Đào tạo quy định.

Tuy nhiên còn một số em ở lớp thử nghiệm chưa có sự chuyển biến nhiều và trong quá trình thử nghiệm một số em chưa tham gia đầy đủ các buổi học.

Thử nghiệm tác động chủ yếu vào con người, sự thay đổi nhận thức, kỹ năng cần phải kiên trì, chịu khó và có thời gian. Thử nghiệm chỉ thực hiện trong 6 tuần nên kết quả chỉ tương đối.

### **Nhận xét chung**



- Việc áp dụng phương pháp giảng dạy theo chương trình dạy thử nghiệm của đề tài vào việc hình thành kỹ năng đọc và viết cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer là rất cần thiết. Phương pháp giảng dạy này giúp các em dễ tiếp thu bài học hơn và các em có hứng thú học tập, kết quả thể hiện ở nhóm thử nghiệm (mức 3: 70%; mức 4: 30%).

- Việc áp dụng mô hình thử nghiệm của đề tài đã đạt được hiệu quả đáng khích lệ . So với phương pháp dạy trước, phương pháp dạy học mới phù hợp để dạy học đọc và viết cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết. Song do thời gian thử nghiệm ngắn nên hiệu quả mang lại chưa được cao. Do vậy, cần phải sử dụng phương pháp dạy học này thường xuyên và liên tục hơn trong dạy đọc và viết tiếng Việt cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer.

# KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

## 1. KẾT LUẬN

Ở cấp học Tiểu học, giai đoạn đầu lớp 1, kỹ năng đọc và viết tiếng Việt được xem là bước ngoặt quan trọng đối với các em, để các em có thể lĩnh hội các môn học khác. Vì vậy kỹ năng đọc và kỹ năng viết cần phải được trang bị ở những năm đầu của cấp học Tiểu học. Chúng ta có thể đánh giá học sinh biết đọc, biết viết tiếng Việt khi các em triển khai đúng đắn thao tác đọc và viết trên tất cả các âm tiết tiếng Việt chứ không thể chỉ dừng lại ở một vài âm hoặc vần nào đó. Tuy nhiên hiện nay có thực trạng khá phổ biến ở trường tiểu học C Châu Lãng và B Cô Tô huyện tri Tôn có nhiều học sinh dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt.

Từ kết quả nghiên cứu chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

- Thực trạng học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt chia thành nhiều mức độ; kiến thức về ngữ âm tiếng Việt ở các em chưa được hình thành một cách cơ bản và hệ thống so với yêu cầu của cấp học; mặc dù các em đã hoàn thành chương trình lớp 1 nhưng vẫn còn rơi vào hiện trạng chậm biết đọc, biết viết.

- Nguyên nhân học sinh chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt nguyên nhân dẫn đến thực trạng học sinh lớp 1 chậm biết đọc, biết viết không phải do học sinh chậm phát triển trí tuệ mà do nguyên nhân sau: Các em chưa được chuẩn bị tốt ở giai đoạn mẫu giáo và đầu lớp 1, là con em đồng bào dân tộc thiểu số tiếng Việt không phải tiếng mẹ đẻ, gia đình chưa quan tâm đúng mức, kinh tế gia đình khó khăn, phương pháp giảng dạy chưa phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh, năng lực và nhiệt tình của một số giáo viên còn hạn chế.

Trong đó nguyên nhân chính ảnh hưởng đến kỹ năng đọc, viết của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết là “phương pháp giảng dạy của giáo viên chưa phù hợp với trình độ của học sinh”.

- Kết quả thử nghiệm

Qua 6 tuần thử nghiệm phương pháp hình thành kỹ năng đọc, viết tiếng Việt cho sinh dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết ở trường tiểu học C Châu Lãng đã đạt được kết quả bước đầu. Trên cơ sở đó Ban giám hiệu, giáo viên có thêm phương pháp hình thành kỹ năng đọc, viết của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt tốt hơn.

## **2. KIẾN NGHỊ**

### **Đối với Sở giáo dục**

Có chế độ ưu đãi hợp lý cho các giáo viên trực tiếp giảng dạy và thường xuyên tổ chức các lớp dạy tiếng Khmer cho giáo viên người Việt, đặc biệt cho các giáo viên giảng dạy ở các trường có nhiều con em đồng bào dân tộc Khmer.

Sở Giáo dục – Đào tạo An Giang cần tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang giải quyết chế độ cho giáo viên dạy bồi dưỡng cho học sinh dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết đạt trình độ chuẩn tối thiểu của lớp 1.

### **Đối với phòng giáo dục và Hiệu trưởng trường tiểu học**

Cho các trường tiểu học ở trong huyện đặc biệt các trường có học sinh dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết ứng dụng kết quả nghiên cứu vào trong công tác giảng dạy. Thực hiện chương trình hình thành kỹ năng đọc và viết cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer để các em đạt được mức chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phòng giáo dục và Hiệu trưởng có thể tổ chức bồi dưỡng phương pháp dạy học cho giáo viên dạy trẻ sau khi hoàn thành chương trình lớp 1( học trong thời gian nghỉ hè).

Giáo viên cần tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, hoặc các buổi báo cáo chuyên đề về phương pháp giảng dạy. Đồng thời giáo viên cần tổ chức các buổi dạy phụ đạo nhằm hình thành kỹ năng đọc, viết tiếng Việt cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer, cần phải phân loại đối tượng học, chia lớp học phù hợp với trình độ nhận thức của các em, phân thời gian giảng dạy, phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

### **Đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy cấp Tiểu học**

Cần chú ý hơn đến đặc điểm nhận thức từng đối tượng trong quá trình dạy học sinh đọc và viết tiếng Việt, nên có sự nhìn nhận đúng trình độ học tập của các em để có biện pháp khắc phục kịp thời, tránh tình trạng học sinh ngồi nhầm lớp.

Mạnh dạn đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh.

Đề nghị vận dụng kết quả vào việc phụ đạo cho học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết vào thời gian hè hoặc vào đầu kì I lớp 2.

Nhiệt tình tham gia giảng dạy phụ đạo cho học sinh chậm biết đọc, biết viết nhiều hơn nữa.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Chương trình tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2002), *Tiếng việt lớp 1 sách giáo viên*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Cruchevki.V.A, (1981), *Những cơ sở của tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội
5. Hồ Ngọc Đại, (1983), *Tâm lý học dạy học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. ĐavudópV.V, (2000), *Các dạng khái quát hóa trong dạy học*, NXB Đại Quốc gia, Hà Nội.
7. Phạm Minh Hạc, (1997), *Tâm lý học Vurgóttxki*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
8. Phạm Minh Hạc, (2005), *Tuyển tập tâm lý học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
9. Nguyễn Kế Hào, (1985), *Sự phát triển trí tuệ của học sinh đầu tuổi học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
10. Nguyễn Kế Hào, (1992), *Học sinh Tiểu học và nghề dạy học ở bậc Tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
11. Bùi Văn Huệ, (1994), *Tâm lý học sinh tiểu học*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội I, Hà Nội.
12. Dương Thị Diệu Hoa, (1995), *Hình thành kỹ năng đọc và viết tiếng Việt cho học sinh đầu lớp 1*, Luận án tiến sĩ, Khoa học tâm lý, Đại học sư phạm Hà Nội.
13. Lê Văn Hồng, (1994), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
14. Đặng Thị Lanh, (2002), *Tiếng Việt 1– Sách giáo viên*, tập1,2, NXB Giáo dục, Hà Nội.
15. Đặng Thị Lanh (2006) *Tiếng Việt 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
16. Leonchiep A.N, (1989), *Hoạt động - ý thức - nhân cách*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

17. Phan Trọng Ngọ, (2000), *Tâm lý học hoạt động và khả năng ứng dụng vào lĩnh vực dạy học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
18. Trương Thị Thu Minh (2008), *Hình thành năng khiếu đọc và viết tiếng Việt cho học sinh tiểu học người Khmer ở Kiên Giang chậm biết đọc, biết viết*, luận văn thạc sỹ, khoa Tâm lý, Đại học sư phạm Hà Nội.
19. Phòng Giáo dục huyện Tri Tôn, (2008), *Báo cáo tổng kết năm học 2007 2008*.
20. Nguyễn Quốc Thái, (2006), *Kỹ năng đọc và viết của học sinh lớp 2 huyện Thuận Châu – Sơn La*, luận văn thạc sỹ Tâm lý học, Đại học sư phạm Hà Nội.
21. Lữ Văn Nhựt, (2003), *Phát triển giáo dục vùng dân tộc Khmer Nam Bộ*, NXB Đại học Quốc gia, thành phố Hồ Chí Minh.
22. Phan Trọng Ngọ - Chủ biên, (2003), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
23. Phan Trọng Ngọ, (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
24. Petropxki. A.V, (1982), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
25. Vũ Khắc Tuân, (1996), *Giáo trình phương pháp dạy tiếng việt bậc tiểu học*, Trường Cao đẳng sư phạm TP Hồ Chí Minh.
26. Hoàng Thị Tuyết, *Dạy đọc, viết trong học vẫn như thế nào cho hiệu quả và vui tươi*.
27. Dương Thiệu Tống, (2005), *Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu giáo dục*, NXB Khoa học xã hội, thành phố Hồ Chí Minh.
28. Nguyễn Quang Uẩn - Trần Hữu Luyện - Trần Quốc Thành, (2004), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
29. Nguyễn Quang Uẩn, (2001), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
30. Vugótxki L.X, Người dịch: Nguyễn Đức Hương, Phan Trọng Ngọ,









### PHỤ LỤC 3

### KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Họ và tên:.....

Trường:..... lớp .....

Ngày:.....

Thời gian: .....

### KIỂM TRA ĐỌC

1. Đọc thành tiếng các vần: (4 vần) (2 điểm)

ư	ơ	ao	ung
oi	iêu	iên	anh

2. Đọc thành tiếng các từ (4 từ) (2 điểm)

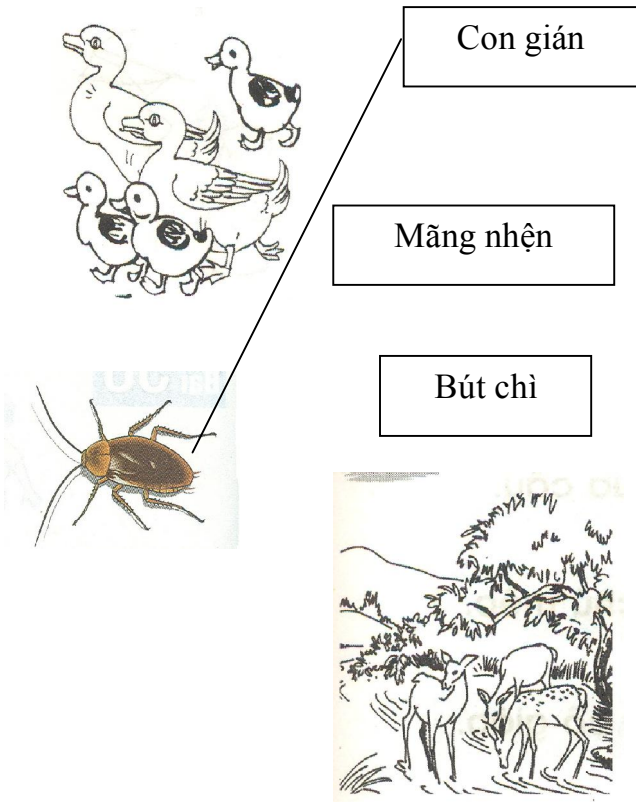
ba lô	trái đào	đàn bướm	đồng ruộng
bó mạ	mưa phùn	dòng sông	thông minh

3. Đọc thành tiếng các câu (2 câu) (2 điểm)

- Buổi chiều gió thổi hiu hiu
- Chị Lan tưới rau giúp mẹ
- Đường làng rợp bóng cây xanh
- Đàn trâu chăm chỉ gặm cỏ

4. Nói chữ với hình (2 điểm)

Nói chữ với hình



Con gián

Mãng nhện

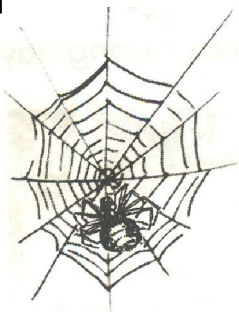
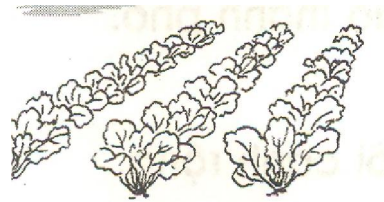
Bút chì

luống rau

Đàn vịt

Hươu nai

đèn điện



**5/Nối cột A với cột B cho phù hợp**

**A**

Gà mẹ \*

Sóng vỗ \*

Đàn dê \*

Bầu trời \*

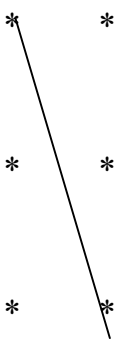
**B**

\* Xanh ngắt.

\* gặm cỏ bên bờ suối.

\* rì rào.

\* bới giun cho con.





Thường xuyên

Thỉnh thoảng

Hiếm khi

2. Trong gia đình ông (bà) thường giao tiếp với các thành viên trong gia đình bằng tiếng:

Tiếng Việt

Tiếng Khmer

Cả tiếng Việt và tiếng Khmer

3. Ông (bà) nói chuyện với họ hàng, làng xóm bằng tiếng gì?

Tiếng Việt

Tiếng Khmer

Cả tiếng Việt và tiếng Khmer

4. Nhận xét của ông (bà) về khả năng nói tiếng Việt của con cái trong gia đình (bao gồm cả những đứa đi học và không đi học).

Tốt

Bình thường

Khá

Yếu

5. Nhận xét của ông (bà) về khả năng nói tiếng Việt của con (đang đi học) trong gia đình.

Tốt

Bình thường

Khá

Yếu

6. Ở nhà con (đang đi học ở trường) Ông (bà) thường nói chuyện bằng tiếng:

Tiếng Việt

Khmer

Cả tiếng Việt và tiếng Khmer

7. Ông (bà) có nói được tiếng Việt không?

Có

Không

8. Ông bà có muốn con mình học tiếng Việt tốt không?

Có

Không

9. Ở nhà con (đứa đang đi học) ông (bà) có thường tập viết tiếng Việt không?

Có

Không

10. Ở nhà con (đứa đang đi học) Ông (bà) có thường tập đọc tiếng Việt không?

Có

Không

11. Ông (bà) đã làm gì để giúp con em mình học tốt tiếng Việt:

Giao bài cho con làm

Khuyến khích con giao tiếp bằng tiếng Việt

Tập cho con viết và đọc tiếng Việt

Không làm được vì không biết tiếng Việt

12. Theo Ông (bà) dân tộc Khmer có cần thiết biết tiếng Việt không?

Cần thiết

Không cần thiết

Nếu cần thiết, vì sao?

.....

Không cần thiết, vì sao không?

.....

13. Nguyện vọng của ông (bà) đối với việc học tiếng Việt của con mình

## PHỤ LỤC 5

### BẢNG HỎI GIÁO VIÊN

#### I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: (Có thể không ghi).....
2. Nam sinh:.....
3. Dân tộc: Kinh  Khmer  Khác
4. Giới tính: Nam  Nữ
5. Đơn vị công tác:.....
7. Trình độ học vấn: .....

#### PHƯƠNG PHÁP DẠY TIẾNG VIỆT CỦA THẦY (CÔ) VÀ KỸ NĂNG ĐỌC, VIẾT TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH LỚP 1 KHMER

1. Học sinh lớp 1 dân tộc Khmer thường mắc những lỗi nào trong các lỗi sau khi đọc tiếng Việt.

Dấu thanh                  Phát âm sai                  Đọc sai vần  
Đọc sai từ                  Đọc sai tiếng                  Tất cả các lỗi trên

2. Học sinh thường mắc lỗi nào trong các lỗi sau khi viết tiếng Việt

Dấu thanh                  Vần                  Từ                  Tiếng

3. Thầy (cô) đánh giá về khả năng đọc, viết của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer:

Đọc, viết khá                  Đọc, viết trung bình                  Đọc, viết yếu

Ý kiến khác.....

4. Phương pháp tiếng Việt của thầy cô hiện nay là (chọn tối đa 3 phương pháp):

Dạy đọc trước dạy viết sau

Dạy viết trước dạy đọc sau

Sử dụng nhiều phương tiện dạy học trực quan ngay từ đầu năm

Dạy đọc từng âm, vần cụ thể

Dạy đọc và dạy viết đồng thời theo các âm, vần

5. Thầy (cô) có đề nghị gì để nhằm nâng cao năng lực đọc, viết tiếng Việt của học sinh lớp 1 dân tộc Khmer ?

.....

.....

.....

## II. NGUYÊN NHÂN ẢNH HƯỞNG ĐẾN HỌC SINH LỚP 1 DÂN TỘC KHMER CHẬM BIẾT ĐỌC, BIẾT VIẾT TIẾNG VIỆT

1. Theo thầy (cô) nguyên nhân ảnh hưởng đến học sinh lớp 1 dân tộc Khmer chậm biết đọc, biết viết tiếng Việt(chọn nhiều phương án).

TT	Mức độ ảnh hưởng	Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Ảnh hưởng ít
	Nguyên nhân			
1	Học sinh chưa học qua các lớp mẫu giáo			
2	Học sinh đa số khi vào lớp 1 chưa biết nói tiếng Việt			
3	Ở nhà gia đình học sinh không nói được tiếng Việt			
4	Học sinh không thích học tiếng Việt			
5	Trường học phần lớn học sinh Khmer nên các em ít có cơ hội giao tiếp tiếng Việt			
6	Chương trình sách giáo khoa tiếng Việt hiện nay chưa phù hợp với trình			

	độ của học sinh			
6	Phương pháp đọc và viết tiếng Việt hiện nay chưa phù hợp với trình độ của học sinh			
7	Ý thức học tập của các em chưa cao			
8	Năng lực và sự nhiệt tình của giáo viên chưa cao			
9	Cha mẹ học sinh không quan tâm đến việc học tiếng Việt của con mình.			
10	Nội dung tài liệu dạy đọc và viết tiếng Việt chưa phù hợp với trình độ học sinh			



## PHỤ LỤC 6

### PHIẾU QUAN SÁT

1. Người dự giờ: .....
2. Người dự giờ:.....
3. Địa điểm dự giờ: .....

MỘT SỐ LỖI HỌC SINH LỚP 1 DÂN TỘC KHMER CHẬM BIẾT ĐỌC,  
BIẾT VIẾT THƯỜNG MẮC PHẢI KHI SỬ DỤNG TIẾNG VIỆT

Sử dụng thang điểm từ 1-4 theo quy ước:

1 = rất thường xuyên 2 = thường xuyên 3 = thỉnh thoảng 4 = không mắc lỗi

TT	Thang điểm	1	2	3	4
	Một số lỗi học sinh thường mắc phải				
1	Phát âm không chính xác				
2	Nói tiếng Việt không lưu loát				
3	Lỗi về phụ âm đầu				
4	Lỗi chính tả đối với nguyên âm				
5	Lỗi về thanh điệu				
6	Khó trình bày ý kiến của mình bằng tiếng Việt				
7	Hay bị tiếng của dân tộc mình chi phối				
8	Viết sai ngữ pháp				
9	Mắc nhiều lỗi chính tả trong khi viết				
10	Viết chậm hơn rất nhiều so với các bạn trong lớp học				

11	Ghép vần sai				
12	Sai về ngữ pháp, trật tự câu trong khi viết				

**An Giang, ngày....tháng....năm 2010**

Người quan sát:

## PHỤ LỤC 7

### PHIẾU QUAN SÁT

1. Người dự giờ: .....
2. Người dự giờ:.....
3. Địa điểm dự giờ: .....

#### **KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI HỌC SINH LỚP 1 DÂN TỘC KHMER KHI GIAO TIẾP VỚI GIÁO VIÊN**

Sử dụng thang điểm từ 1-4 theo quy ước:

**1 = rất thường xuyên 2 = thường xuyên 3 = thỉnh thoảng 4 = hoàn toàn không**

TT	Thang điểm				
		1	2	3	4
	Một số khó khăn				
1	Không hiểu lời nói của giáo viên				
2	Thiếu tự tin khi trả lời câu hỏi của giáo viên				
3	Dùng từ không đúng khi trả lời câu hỏi của giáo viên				
4	Lúng túng ngượng nghịu khi tiếp xúc với giáo viên				
5	Không giao tiếp bằng mắt với giáo viên				
6	Không làm chủ được lời nói và hành động khi tiếp xúc với giáo viên				
7	Tránh tiếp xúc với giáo viên				
8	Không trả lời câu hỏi của giáo viên				

9	Nói giáo viên không hiểu				
---	--------------------------	--	--	--	--

**An Giang, ngày....tháng....năm 2010**

Người dự giờ:

## PHỤ LỤC 8

### PHIẾU QUAN SÁT

4. Người dự giờ: .....

5. Người dự giờ:.....

6. Địa điểm dự giờ: .....

#### MỘT SỐ HÀNH VI CỦA HỌC SINH LỚP 1 DÂN TỘC KHMER TRONG GIỜ HỌC

Sử dụng thang điểm từ 1-4 theo quy ước:

1 = rất thường xuyên 2 = thường xuyên 3 = thỉnh thoảng 4 = hoàn toàn không

TT	Thang điểm	1	2	3	4
	Một số hành vi				
1	Mất trật tự trong giờ học				
2	Không tập trung trong giờ học				
3	Không làm đầy đủ các bài tập giáo viên giao trên lớp				
4	Không hiểu bài				
5	Không làm được bài tập				
6	Chán học				
7	Bỏ tiết học				
8	Ngủ trong giờ học				
9	Nói chuyện riêng trong giờ học				
10	Làm việc riêng trong giờ học				

**An Giang, ngày....tháng....năm 2010**

Người dự giờ:

**PHỤ LỤC 9**  
**NỘI DUNG VÀ HƯỚNG DẪN DẠY - HỌC**

**BÀI 1: O - C**

Thời lượng: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Học sinh nhận biết được chữ o, c; tiếng bò, cò
2. Kỹ năng: Đọc được câu ứng dụng: bò bê có bó cỏ
3. Thái độ: Phát triển lời nói tự nhiên theo nội dung: vó bè

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: - Bảng chữ cái tổng hợp  
- Sách giáo khoa Tiếng việt lớp 1  
- Tranh minh họa  
- Đồ dùng trực quan: mô hình con bò, cò,..

Học sinh: Sách giáo khoa, bảng con, vở tập viết

NỘI DUNG BÀI	HƯỚNG DẪN DẠY
- Âm o  - Âm c  - Tiếng bò; cò  - Câu: Bò bê có bó cỏ	<p><b>Tiết 1: Luyện đọc</b></p> <p>- Giới thiệu bài: Giới thiệu trực tiếp hôm nay học âm o - c</p> <p><b>Cách tiến hành:</b></p> <p><b><u>Bước 1:</u> Học sinh nhìn thấy, sờ thấy sự vật</b></p> <p>Giáo viên cho học sinh nhìn thấy chữ cái: o và c, con bò, cò. Giáo viên xỏ học sinh sờ vào mô hình con bò, cò.</p> <p>Giáo viên đọc các chữ cái và giúp học sinh phát âm được 2 chữ cái này.</p> <p>Giáo viên cho học sinh đọc nhiều lần chữ cái: o và c, và từ bò, cò; câu: Bò bê có bó cỏ.</p> <p>Bước này giáo viên cho học sinh thực hiện nhiều lần.</p> <p><b><u>Bước 2:</u> Học sinh phát âm to lên các âm o – c và từ: bò, cò; câu: bò bê có bó cỏ</b></p> <p>Giáo viên cho tất cả học sinh trong lớp phát âm to các âm, từ và câu. Giáo viên gọi từng học sinh phát âm to các âm, từ, câu.</p>

	<p>Bước này giáo viên cho học sinh thực hiện nhiều lần.</p> <p><b>Bước 3: Nói thầm âm: o – c, từ: bò, cò, câu: bò bê có bó cỏ.</b></p> <p>Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc thầm từng âm, từ, câu</p> <p>Giáo viên quan sát từng học sinh đọc thầm âm, từ, câu.</p> <p>Bước này giáo viên cho học sinh thực hiện nhiều lần.</p> <p><b>Bước 4: Nhận tâm âm o – c, từ : bò, cò, câu: bò bê có bó cỏ.</b></p> <p><b>Bước 5: Nhận mặt âm: o – c, từ: bò, cò; câu: bò bê có bó cỏ.</b></p> <p>Giáo viên sẽ dùng bảng chữ cái và gọi từng em chỉ âm nào là âm o – c trong bảng chữ cái và ghép các âm thành từ “bò” và từ “cò”.</p> <p>Bước này giáo viên sẽ dành nhiều thời gian cho học sinh luyện tập.</p> <p>Giáo viên dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh tự về nhà ôn lại bài đã học</li> <li>- Xem trước bài hôm sau</li> </ul>
--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

## **BÀI 2: G - GH**

Thời lượng: 2 tiết

### **1. Mục tiêu**

- Kiến thức: Học sinh nhận biết được chữ g, gh; tiếng gà, ghé
- Kỹ năng: Đọc được câu ứng dụng: Nhà bà có tủ gỗ, ghé gỗ
- Thái độ: Phát triển lời nói tự nhiên theo nội dung: gà gô

### **2. Đồ dùng dạy học**

- Giáo viên: - Bảng chữ cái tổng hợp
- Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1
  - Tranh minh họa
  - Đồ dùng trực quan: con gà, ghé bằng nhựa, các chữ cái



NỘI DUNG BÀI	HƯỚNG DẪN DẠY
<p>- Âm h - Âm g - Từ con gà, ghế - Câu: Nhà bà có tủ gỗ ghế gỗ</p>	<p><b>Tiết 1: Luyện đọc</b></p> <p>Giới thiệu bài: Giới thiệu trực tiếp hôm nay học âm h - g</p> <p><b>CÁCH TIẾN HÀNH</b></p> <p><b>Bước 1: Học sinh nhìn thấy, sờ thấy sự vật</b></p> <p>Giáo viên cho học sinh sờ thấy chữ cái g, h, con gà, ghế.</p> <p>Giáo viên phát âm âm g, h, con gà, ghế và cho cả lớp cùng đọc từng âm, từ.</p> <p>Bước này giáo viên cho học sinh thực hiện nhiều lần.</p> <p><b>Bước 2: Học sinh phát âm to lên các âm g, h và từ con gà, ghế và câu</b></p> <p>Giáo viên cho tất cả học sinh trong lớp phát âm to các âm và từ trong bài học.</p> <p>Giáo viên gọi từng học sinh phát âm to.</p> <p>Giáo viên đọc câu: “Nhà bà có tủ gỗ, ghế gỗ”.</p> <p>Bước này giáo viên cũng cho học sinh lặp đi lặp lại nhiều lần.</p> <p><b>Bước 3: Nói thầm âm: g, h, từ: gà, ghế và câu: Nhà bà có tủ gỗ, ghế gỗ</b></p> <p>Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc thầm từng âm, từ và câu.</p> <p>Tất cả học sinh cùng thực hiện.</p> <p>Bước này cũng được thực hiện nhiều lần.</p> <p><b>Bước 4: Nhận tâm âm: g, h, từ: gà, ghế và câu: Nhà bà có tủ gỗ, ghế gỗ.</b></p> <p><b>Bước 5: Nhận mặt âm: g, h, từ: gà, ghế và câu: Nhà bà có tủ gỗ, ghế gỗ.</b></p> <p>Giáo viên sẽ dùng bảng chữ cái và gọi từng em chỉ vào âm nào là âm</p>

g,h trong bảng chữ cái và ghép các âm thành từ “gà” và từ “ghế”.

Bước 5 sẽ được củng cố nhiều lần trong tiết học.

## **Tiết 2: Luyện viết**

### **Bước 1: Giúp học sinh hình dung và nhớ được hình thái của âm g và h**

Giáo viên giúp học sinh ôn lại âm g và h đã học.

Giáo viên chỉ cho học sinh những điểm cần lưu ý đối với 2 âm này.

Giáo viên hướng dẫn học sinh cách viết âm g và âm h.

Bước này giáo viên cho học sinh củng cố nhiều lần.

### **Bước 2 : Viết được chữ cái, vần, âm, từ không cần nhìn mẫu**

### **Bước 3: Học sinh tự hình dung trong đầu âm g và âm h.**

### **Bước 4: Nhập tâm âm g và âm h.**

### **Bước 5: Giáo viên cho học sinh tự tập viết âm g, h**

Bước này giáo viên cho học sinh làm nhiều lần.

### ***Giáo viên dặn dò***

- Học sinh tìm chữ vừa học (trong sách giáo khoa, ở nhà)
- Xem trước bài hôm sau học